

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

PHAN THỊ THU HÀ

**ĐỔI MỚI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÒA BÌNH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ**

THÁI NGUYÊN - 2015

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

PHAN THỊ THU HÀ

**ĐỔI MỚI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÒA BÌNH**

Chuyên ngành: Quản lý Kinh tế

Mã số: 60.34.04.10

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Ngọc Hồng

THÁI NGUYÊN - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của Tiến sỹ Nguyễn Ngọc Hồng. Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận văn này là trung thực và chưa được công bố hoặc sử dụng để bảo vệ một học hàm nào. Các thông tin trích dẫn trong Luận văn này đều có nguồn gốc rõ ràng. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tác giả Luận văn

Phan Thị Thu Hà

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô giáo Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên đã giúp đỡ em trong quá trình học tập, nghiên cứu, có những góp ý kiến quý báu để em hoàn thành luận văn.

Em xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Hồng - Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hòa Bình đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình, nơi tôi đang công tác đã tạo điều kiện cho tôi được đi học nâng cao trình độ trong thời gian qua, cung cấp tài liệu để tôi nghiên cứu, tham gia đóng góp ý kiến để giúp tôi hoàn thành nghiên cứu đề tài luận văn.

Tôi xin cảm ơn gia đình, các bạn bè đồng nghiệp đã tạo điều kiện và giúp đỡ nhiệt tình để tôi hoàn thành quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2015

Tác giả

Phan Thị Thu Hà

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
DANH MỤC CÁC HÌNH	vii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Ý nghĩa khoa học của đề tài	3
5. Bố cục của luận văn.....	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5
1.1. Một số khái niệm	5
1.2. Vai trò của đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ	7
1.2.1. Vai trò của khoa học và công nghệ.....	7
1.2.2. Vai trò đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	9
1.3. Nội dung đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.....	12
1.3.1. Đổi mới công tác tuyển chọn, xét chọn, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN	12
1.3.2. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về KHCN trên các lĩnh vực	17
1.3.3. Đổi mới hoạt động các tổ chức KHCN	18
1.3.4. Đổi mới tổ chức quản lý các hoạt động chuyển giao công nghệ	19
1.3.5. Đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ KHCN của địa phương	20
<i>Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN</i>	
http://www.lrc-tnu.edu.vn/	

1.3.6. Đổi mới phân bổ vốn đầu tư cho phát triển KHCN	21
1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến đổi mới quản lý hoạt động KHCN	24
1.4.1. Hệ thống Luật pháp, cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động KHCN ..	24
1.4.2. Đầu tư tài chính cho KHCN	27
1.4.3. Yếu tố nhân lực tác động mạnh đến đổi mới quản lý hoạt động KHCN	27
1.5. Cơ sở thực tiễn của đổi mới quản lý hoạt động KHCN	28
1.5.1. Kinh nghiệm ở các nước	28
1.5.2. Kinh nghiệm trong nước	29
1.5.3. Bài học kinh nghiệm trong đổi mới quản lý hoạt động KHCN	30
Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	32
2.1. Câu hỏi đặt ra đề tài cần giải quyết	32
2.2. Phương pháp nghiên cứu	32
2.3. Các chỉ tiêu phân tích, đánh giá đổi mới quản lý hoạt động KHCN	35
Chương 3: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÒA BÌNH	36
3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Hòa Bình	36
3.1.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên	36
3.1.2. Đặc điểm kinh tế- xã hội tỉnh Hòa Bình	38
3.2. Thực trạng quản lý hoạt động KHCN ở tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2010-2014	39
3.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KHCN tỉnh Hòa Bình	39
3.2.2. Ngân sách địa phương đầu tư cho hoạt động KHCN	40
3.2.3. Kết quả nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, dự án	43
3.2.4. Thực trạng đầu tư tiềm lực cho khoa học và công nghệ	57
3.2.5. Thực trạng đầu tư cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp	60
3.2.6. Công tác quản lý nhà nước về KHCN trên một số lĩnh vực	67
3.3. Đánh giá công tác quản lý hoạt động KHCN giai đoạn 2010-2014	79
3.3.1. Ưu điểm đạt được	79

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....	83
3.3.3. Bài học kinh nghiệm	85
Chương 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỔI MỚI QUẢN LÝ	
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÒA BÌNH	89
4.1. Quan điểm, mục tiêu.....	89
4.1.1. Quan điểm	89
4.1.2. Mục tiêu.....	89
4.2. Giải pháp chủ yếu đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.....	90
4.2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của KHCN	90
4.2.2. Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ	92
4.2.3. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.....	99
4.2.4. Đổi mới cơ chế đầu tư, tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ...	100
4.2.5. Triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu	102
4.2.6. Đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.....	103
4.3. Một số đề xuất, kiến nghị.....	105
4.3.1. Đối với Trung ương.....	105
4.3.2. Đối với tỉnh	106
KẾT LUẬN	109
TÀI LIỆU THAM KHẢO	111
PHỤ LỤC	113

DANH MỤC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu /viết tắt	Ý nghĩa
UBND	Ủy ban nhân dân
KHCN	Khoa học và Công nghệ
PT-KN-DV	Phân tích,-Kiểm nghiệm-Dịch vụ
TC-ĐL-CL	Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng
ĐH	Đại học
CĐ	Cao đẳng
TC	Trung cấp
BBTĐ	Biên bản thẩm định
PTĐ	Phiếu thẩm định
GCN	Giấy chứng nhận
NCPT	Nghiên cứu phát triển
TBT	Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại
SHTT	Sở hữu trí tuệ
B1, B2	Bước 1, Bước 2
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTUD	Trung tâm ứng dụng
KPSN	Kinh phí sự nghiệp
TKKHCN	Thống kê Khoa học công nghệ

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Đầu tư tài chính cho hoạt động KHCN giai đoạn 2010-2014	41
Bảng 3.2. Số lượng các đề tài giai đoạn 2010-2014 trên một số lĩnh vực	43
Bảng 3.3. Đầu tư tài chính cho tăng cường tiềm lực giai đoạn 2010-2014	57
Bảng 3.4. Danh sách các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	69
Bảng 3.5. Danh sách các Doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh.....	71
Bảng 3.6. Danh sách nhãn hiệu sản phẩm nổi bật được cấp chứng nhận bảo hộ trong thời gian qua	74

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình	40
---	----

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời đại ngày nay khọc học kỹ thuật phát triển như vũ bão và sự bùng nổ thông tin, đòi hỏi mỗi nước đều phải có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia gắn với mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ.

Ở nước ta sau gần 30 đổi mới, nhất là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế thế giới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách về phát triển khoa học và công nghệ: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khoá VIII (1996); Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 31/01/2013 của Tỉnh ủy Hòa Bình về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Định hướng phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; nhiều chính sách cụ thể khác về xây dựng tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, phấn đấu năm 2015 sự đóng góp của khoa học và công nghệ đạt được giá trị bằng 30% GDP.

Tỉnh Hòa Bình trong những năm qua hoạt động khoa học và công nghệ đã tập trung vào nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trên các lĩnh vực đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, đã tuyển chọn các giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao, chuyển giao kỹ thuật canh tác bền vững trên đất dốc, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng cường tiềm lực cho khoa học công nghệ. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội theo hướng sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên với điều kiện một tỉnh miền núi, kinh tế chậm phát triển, nguồn thu ngân sách trên địa bàn

chỉ đạt bình quân hàng năm 25% tổng chi Ngân sách Nhà nước địa phương. Kinh phí đầu tư cho khoa học còn hạn chế, chỉ chiếm 0,43% tổng chi Ngân sách Nhà nước địa phương. Hiệu quả hoạt động của khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế chưa đóng góp nhiều cho phát triển kinh tế-xã hội, năng suất lao động thấp, hàm lượng khoa học trong sản phẩm còn thấp, sản phẩm chưa có tính cạnh tranh trên thị trường, khoa học công nghệ chưa thực sự là động lực, là then chốt cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cơ chế quản lý các tổ chức khoa học và công nghệ chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo và cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế, chính sách tài chính chưa tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ chưa tạo động lực để phát huy năng lực sáng tạo của cán bộ khoa học và công nghệ ...

Vấn đề đặt ra hiện nay và các năm tới là làm thế nào để đổi mới quản lý hoạt động khoa học công nghệ của tỉnh, quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ một cách có hiệu quả, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực khoa học công nghệ thực sự thiết thực, hiệu quả, phục vụ đắc lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đã có nhiều luận văn, đề tài nghiên cứu liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ, ví dụ đề tài luận văn Thạc sĩ" đề xuất một số giải pháp nâng cao tính ứng dụng cho các đề tài khoa học công nghệ của tỉnh Hòa Bình đến năm 2020" của tác giả Nguyễn Quyết Tiến... Nhưng chưa có đề tài nào nghiên cứu đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại tỉnh Hòa Bình. Vì vậy việc lựa chọn đề tài “ Đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình” làm luận văn Thạc sĩ Kinh tế có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và

công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

2.2.2. Đánh giá thực trạng tình hình quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 - 2014, rút ra được những ưu điểm, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

2.2.3. Đề xuất các giải pháp đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu lĩnh vực quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình dưới góc độ kinh tế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu những nội dung liên quan đến quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh Hòa Bình.

Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu trên phạm vi toàn tỉnh Hòa Bình.

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 - 2014, nhiệm vụ giai đoạn 2015-2020.

4. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần nhận diện được những thành tựu, chỉ ra những hạn chế trong hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong thời gian qua; đề xuất các giải pháp đổi mới quản lý hoạt động về khoa học và công nghệ có tính khả thi góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, đây là luận cứ khoa học phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý hoạt động về khoa học và công

nghe của tỉnh và trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội miền núi nhanh và bền vững của Đảng và Nhà nước.

Đề tài có giá trị thực tiễn, giải quyết vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa lâu dài, đồng thời góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận, nhận thức sâu sắc hơn các vấn đề liên quan đến hoạt động về khoa học và công nghệ nói chung và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình nói riêng.

Đề tài là tài liệu tham khảo cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình và các tỉnh áp dụng các giải pháp đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong thời gian tới.

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, đề tài gồm 4 chương:

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.
- **Chương 2:** Phương pháp nghiên cứu.
- **Chương 3:** Thực trạng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010-2014.
- **Chương 4:** Đề xuất giải pháp đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1.1. Một số khái niệm

Khái niệm quản lý:

- *Quản lý* là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực, các thời cơ của tổ chức để đạt mục tiêu đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động.

- Trên thực tế tồn tại nhiều cách tiếp cận khái niệm “*quản lý*”. Thông thường, quản lý đồng nhất với các hoạt động tổ chức chỉ huy, điều khiển, động viên, kiểm tra, điều chỉnh... theo lý thuyết hệ thống: “*quản lý* là sự tác động có hướng đích của chủ thể quản lý đến một hệ thống nào đó nhằm biến đổi nó từ trạng thái này sang trạng thái khác theo nguyên lý phá vỡ hệ thống cũ để tạo lập hệ thống mới và điều khiển hệ thống” (Giáo trình Khoa học quản lý- Tập 2- NXB KHKT-2011).

Khái niệm khoa học:

Theo Luật Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2013: *Khoa học* là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; là một loại hình hoạt động xã hội đặc biệt nhằm đạt tới những hiểu biết mới và vận dụng những hiểu biết đó vào sản xuất và đời sống.

Tùy theo mục đích, có các cách phân loại khoa học. Theo cách thức tổ chức nghiên cứu khoa học, có sự phân chia thành:

- *Khoa học cơ bản*: Nhằm tìm tòi, phát hiện những quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy dưới hình thức lý thuyết như định lý, quy tắc, học thuyết.

- *Khoa học ứng dụng*: Xác định những nguyên tắc, quy tắc và phương pháp cụ thể để ứng dụng khoa học cơ bản và hoạt động cải biến các đối tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

Tiếp cận từ đối tượng, khoa học được phân thành hai loại:

+ *Khoa học tự nhiên*: Nghiên cứu các sự vật, hiện tượng quá trình trong tự nhiên, phát hiện các quy luật, xác định các phương thức chinh phục và cải tạo nó.

+ *Khoa học xã hội*: Nghiên cứu các hiện tượng, quá trình và quy luật vận động, phát triển của xã hội, làm cơ sở để thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển nhân tố con người.

Khái niệm công nghệ:

Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

Khái niệm hoạt động khoa học và công nghệ:

Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

Khái niệm Dịch vụ khoa học và công nghệ:

Dịch vụ khoa học và công nghệ là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Khái niệm tổ chức khoa học và công nghệ:

Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

Khái niệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

Khái niệm đổi mới:

Đổi mới là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

1.2. Vai trò của đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1.2.1. Vai trò của khoa học và công nghệ: Thế giới đã trải qua hai cuộc cách mạng kỹ thuật. Cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ nhất diễn ra đầu tiên ở nước Anh vào những năm 30 cuối thế kỷ XVIII và hoàn thành vào những năm 50 đầu thế kỷ XX với nội dung chủ yếu là cơ khí hoá, thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc. Cuộc cách mạng kỹ thuật lần thứ hai còn gọi là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH-CN) hiện đại, xuất hiện vào những năm 50 của thế kỷ XX và nhanh chóng làm nên sự thay đổi to lớn trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội toàn cầu. Cuộc cách mạng này có nhiều nội dung, song có 5 lĩnh vực chủ yếu, đó là: Tự động hoá, sử dụng ngày càng nhiều máy tự động quá trình, máy công cụ điều khiển bằng số, rô-bốt; sử dụng năng lượng, ngoài những dạng năng lượng truyền thống (nhiệt điện, thủy điện) ngày nay đã và đang chuyển sang lấy dạng năng lượng nguyên tử là chủ yếu và các dạng năng lượng "sạch" như năng lượng mặt trời, năng lượng gió v.v...; công nghệ vật liệu mới, xuất hiện với nhiều chủng loại rất phong phú và có nhiều tính chất đặc biệt mà vật liệu tự nhiên không có được. Ví dụ: vật liệu tổ hợp (composit); gốm zircon hoặc cacbua silic chịu nhiệt cao ...; công nghệ sinh học, được ứng dụng ngày càng

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

hiều trong công nghiệp, nông nghiệp, y tế, hoá chất, bảo vệ môi trường... công nghệ vi sinh, kỹ thuật gen và nuôi cấy tế bào; điện tử và tin học, đây là lĩnh vực vô cùng rộng lớn, hấp dẫn đang được loài người đặc biệt quan tâm, nhất là lĩnh vực máy tính diễn ra theo bốn hướng: nhanh(máy siêu tính); nhỏ(vi tính); máy tính có xử lý kiến thức (trí tuệ nhân tạo); máy tính nói từ xa(viễn tin học).

Xác định rõ tầm quan trọng của KHCN, từ rất sớm, Đảng và Nhà nước ta đã thường xuyên quan tâm xây dựng tiềm lực phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng khẳng định vai trò nền tảng của KHCN đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), Đảng ta khẳng định: “KHCN giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược KHCN nhằm mục tiêu công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực KHCN của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hóa, nâng cao dân trí”. Đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), khi bàn đến vai trò của KHCN hiện đại, Đảng ta nhấn mạnh: “KHCN giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển KHCN nhằm mục tiêu đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực KHCN gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực KHCN của đất nước, nghiên cứu và

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH-CN hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng KH-CN”. Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XI của Đảng đã thông qua Nghị quyết mới về “Phát triển KH-CN phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” cũng đã thể hiện rõ hơn điều đó. Ngoài ra, vai trò của KH-CN hiện đại còn được thể hiện rõ trong Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Khoản 1, Điều 62, Chương III, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định: Phát triển KH-CN là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.2.2. Vai trò đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

1.2.2.1. Mở rộng khả năng sản xuất của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả các nguồn lực khác

Dưới tác động của KH-CN, các nguồn lực của sản xuất được mở rộng và sử dụng ngày càng nhiều, càng hiệu quả, đó là:

- Mở rộng khả năng phát hiện, khai thác và đưa vào sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, kể cả tài nguyên tái sinh và không tái sinh.

- Chất lượng nguồn nhân lực tăng lên, nâng cao trình độ kỹ thuật trong lao động, nâng cao trình độ dân trí, nhờ đó mà năng suất lao động tăng, chất lượng lao động đạt hiệu quả cao, hàm lượng tri thức cấu thành trong sản phẩm lao động chiếm tỷ lệ ngày càng cao.

- Mở rộng khả năng huy động, tập trung di chuyển nguồn lực vốn một cách an toàn, chính xác và kịp thời. Vì thế hiệu quả sử dụng vốn tăng lên, sản xuất được phát triển.

KH-CN tạo điều kiện chuyển chiến lược phát triển kinh tế theo chiều rộng sang chiều sâu:

Phát triển kinh tế chiều rộng là phát triển tập trung khai thác tối đa các

nguồn lực, gia tăng các yếu tố đầu vào của sản xuất (*vốn, lao động, tài nguyên...*). Với sự phát triển của công nghệ cao (*công nghệ sinh học, công nghệ điện tử, tin học, bưu chính, công nghệ vật liệu mới, tự động hoá...*) đã làm cho nền kinh tế phát triển theo chiều sâu, tức là sự tăng trưởng kinh tế dựa trên cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào. Với vai trò này, KHCN là phương tiện để chuyển nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và kinh tế tri thức.

1.2.1.2. Thúc đẩy quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

KHCN có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm phân chia sâu sắc các ngành, xuất hiện các ngành mới, nhiều lĩnh vực kinh tế mới. Từ đó, làm thay đổi cơ cấu, vị trí các ngành, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Tỷ trọng GDP trong ngành công nghiệp và dịch vụ tăng dần, của ngành nông nghiệp giảm dần.

- Cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành cũng biến đổi theo hướng ngày càng tăng mạnh, quy mô sản xuất ở các ngành có hàm lượng kỹ thuật, công nghệ cao. Vai trò của lao động trí tuệ trong các ngành ngày càng được coi trọng và trở thành đặc trưng của sự phát triển KHCN.

1.2.1.3. Nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, của hàng hóa và của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường

- *Đối với hoạt động của doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất-kinh doanh*, việc áp dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất, không chỉ tạo ra lợi thế cạnh tranh, mà còn tạo ra nhiều sản phẩm mới. Vì thế, vị trí quy mô của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh mở rộng, sức cạnh tranh về hàng hoá tăng.

Vai trò của KHCN càng được đặc biệt coi trọng khi nền sản xuất hàng hoá chuyển từ việc sản xuất sản phẩm, mà tỷ trọng tài nguyên thiên nhiên, lao động cơ bắp chiếm ưu thế sang sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao và lao

động chất xám chiếm ưu thế.

- *Đối với nền kinh tế thị trường*, việc áp dụng KHCN làm cho các yếu tố đầu vào của nền kinh tế như sức lao động, tư liệu sản xuất càng hiện đại, đồng bộ hoá; Quy mô sản xuất ngày càng mở rộng, ra đời và phát triển các loại hình doanh nghiệp mới, nhất là Công ty Cổ phần; Thay đổi chiến lược kinh doanh từ hướng nội sang hướng ngoại, hướng vào xuất khẩu, từ thị trường trong nước ra hội nhập thị trường thế giới, tăng sức cạnh tranh thị trường quốc tế; Tạo ra tính chất mới của kinh tế thị trường với đặc trưng tốc độ cao trong tất cả các hoạt động sản xuất và tiêu thụ hàng hoá.

1.2.1.4. Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế

KHCN không chỉ tạo ra công cụ lao động mới, mà cả phương pháp sản xuất mới, mở ra khả năng mới về kết quả sản xuất và tăng năng suất lao động. K.Marx dự đoán: Đến giai đoạn công nghiệp việc sản sinh tự giàu có không phụ thuộc vào thời gian lao động, mà phần lớn phụ thuộc vào tình trạng chung của khoa học và tiến bộ của kỹ thuật hay sự vận động của hoá học vào cuộc sống. Trong nền kinh tế tri thức, ước tính tỷ lệ đóng góp của KHCN cho tăng trưởng kinh tế trên 80% GDP (*Hiện nay, tỷ lệ này ở các nước phát triển đã đạt 60-70%, các nước đang phát triển cũng đạt 30-40%*).

1.2.1.5. Khoa học và công nghệ với xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc, thúc đẩy tiến bộ xã hội

Ngày nay, Khoa học và công nghệ đã và đang trở thành công cụ mạnh mẽ làm biến đổi sâu sắc bộ mặt văn hoá, giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường, giúp con người có điều kiện phát triển về mọi mặt, nâng cao về trí lực, sức lực, phát huy hết khả năng của mình đóng góp cho sự phát triển xã hội. Những phát minh mới, những công trình nghiên cứu khoa học thành công

trong lĩnh vực y tế đã làm tăng sức khỏe, tuổi thọ của con người, nhiều loại bệnh được khám và điều trị có hiệu quả.

1.3. Nội dung đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1.3.1. Đổi mới công tác tuyển chọn, xét chọn, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN

- Đổi mới công tác tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ KHCN:

Đổi mới công tác tuyển chọn, xét chọn các đề tài khoa học theo hướng đặt hàng, đảm bảo minh bạch từ khâu xét chọn, tổ chức thực hiện, đánh giá, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng Ngân sách Nhà nước, khi kết thúc phải được đánh giá, nghiệm thu khách quan, chính xác thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng Ngân sách Nhà nước do tổ chức, cá nhân tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét đánh giá, nghiệm thu. Nếu kết quả thực hiện có ảnh hưởng đến lợi ích Quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định.

Các tiêu chí, thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

Người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành hoặc thuê tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành bao gồm nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, cơ quan, tổ chức đặt hàng, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

nhiệm vụ. Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập tiến hành đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mục đích, yêu cầu, nội dung, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã được ký kết và chịu trách nhiệm trước người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đối với cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu đề tài. Mời lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham gia hội đồng. Việc đánh giá nghiệm thu đề tài cấp tỉnh phải căn cứ vào hồ sơ xét chọn hoặc tuyển chọn chủ trì thực hiện đề tài được duyệt, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và kết quả đánh giá nghiệm thu cơ sở (nếu có), tiến hành đúng quy trình, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, khách quan, chính xác và công bằng.

Hình thức tuyển chọn là việc xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện phải được giao theo phương thức tuyển chọn nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan: Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác.

Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp thành lập Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng này.

Hội đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín,
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi có ý kiến tư vấn của Hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

Hình thức giao trực tiếp: Nhà nước giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với một trong các trường hợp: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ và phải chịu trách nhiệm về việc giao nhiệm vụ của mình. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ phải có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

Hình thức xét tài trợ từ quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH-CN: Tổ chức, cá nhân có quyền đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ để quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao và các quỹ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ.

- Tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng Ngân sách Nhà nước,
Sổ hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng Ngân sách Nhà nước mà tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét tạo điều kiện ứng dụng.

- Triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng Ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật. Nếu bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng không thực hiện trách nhiệm quy định thì sẽ bị xử lý theo luật định.

Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng Ngân sách Nhà nước có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu tổ chức, cá nhân đó không thực hiện trách nhiệm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời không được tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng Ngân sách Nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm.

- Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển

công nghệ

Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ cao và khai thác, sử dụng sáng chế để đổi mới quản lý kinh tế - xã hội, đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác

Chủ sở hữu, tác giả và người ứng dụng thành công kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng lợi ích do việc ứng dụng kết quả này vào sản xuất và đời sống theo hợp đồng khoa học và công nghệ và theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

Việc ứng dụng thành công thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống là một trong những tiêu chí chủ yếu để đánh giá năng lực của tác giả, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp; là căn cứ để Nhà nước ưu tiên khi xét tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng Ngân sách Nhà nước; được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét hỗ trợ kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ.

Tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tạo điều kiện để thành viên ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng Ngân sách Nhà nước phải lập hạng mục chi cho ứng dụng, nghiên cứu và phát
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

triển phục vụ xây dựng căn cứ khoa học trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phát sinh trong quá trình thực hiện.

Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải được thẩm định về cơ sở khoa học, trình độ công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật trước khi phê duyệt.

- Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo

Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải có biện pháp thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo.

Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; dành ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để hỗ trợ các hoạt động này.

Doanh nghiệp dành kinh phí tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo thì kinh phí chi cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Nhà nước tài trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân tổ chức, tài trợ cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo và tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo.

1.3.2. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về KHCN trên các lĩnh vực

Nội dung đổi mới công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực bao gồm:

Đổi mới công tác quản lý nhà nước về KHCN đối với lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thông qua các hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp như bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm đặc

sản của tỉnh.

Đổi mới công tác quản lí nhà nước về KHCN đối với lĩnh vực công nghệ, an toàn bức xạ thông qua các hoạt động tuyên truyền hướng dẫn các doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đánh giá công nghệ các dự án đầu tư, phát triển doanh nghiệp KHCN, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép sử dụng các thiết bị bức xạ.

Đổi mới công tác quản lí nhà nước về KHCN đối với lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng bao gồm các hoạt động tuyên truyền các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, đo lường, chất lượng. Phối hợp với thanh tra và các ngành chức năng kiểm tra, thanh tra về chất lượng, mẫu mã sản phẩm để bảo vệ quyền lợi ích của người tiêu dùng

Đổi mới công tác quản lí nhà nước về KHCN đối với lĩnh vực thông tin thống kê KHCN thông qua các hình thức xuất bản bản tin hàng tháng, tập san hàng quý để phổ biến, tuyên truyền các kết quả nghiên cứu khoa học tới bà con nhân dân, doanh nghiệp để ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất, đời sống nhân dân.

1.3.3.Đổi mới hoạt động các tổ chức KHCN

Để khuyến khích các tổ chức cá nhân ươm tạo công nghệ hoặc đổi mới công nghệ, tăng cường trách nhiệm, nâng cao tính tích cực chủ động, năng động, sáng tạo của tổ chức khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ, góp phần tăng cường tiềm lực tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chương trình “Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm”. Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ, hỗ trợ các doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ và các tổ chức khoa học công nghệ công lập thực hiện.

Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện
Sổ hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; hướng dẫn việc thành lập và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác áp dụng vào sản xuất, kinh doanh:

Khảo sát, phân loại các tổ chức cá nhân hoạt động khoa học công nghệ có tiềm lực hình thành doanh nghiệp khoa học công nghệ, tập trung vào các viện nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp. Trên cơ sở đó lựa chọn hình thức hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ phát triển hiệu quả.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp khoa học công nghệ bao gồm tình hình thành lập, số lượng, tình hình hoạt động và phát triển của doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Hướng dẫn các thủ tục thành lập và hưởng các chế độ ưu đãi cho các tổ chức, cơ sở đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Hướng dẫn tổ chức khoa học và công nghệ công lập tháo gỡ những khó khăn vướng mắc khi chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Trong quá trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký, nếu xét thấy có những vấn đề cần phải xin ý kiến thẩm định của các cơ quan trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét giải quyết.

Cơ quan cấp Giấy chứng nhận tiến hành rà soát các Giấy chứng nhận đã cấp. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp mà nội dung không phù hợp với quy định thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức khoa học và công nghệ để tiến hành thủ tục đăng ký lại hoặc đăng ký thay đổi, bổ sung.

1.3.4. Đổi mới tổ chức quản lý các hoạt động chuyển giao công nghệ

Bao gồm các hoạt động đánh giá, định giá, giám định công nghệ; môi giới tư vấn và chuyển giao công nghệ; kiểm tra công nghệ các dự án đầu tư và các nội dung KHCN trong các quy hoạch phát triển KT - XH của địa phương.

- Giám định công nghệ:

Giám định công nghệ nhằm xác định tình trạng thực tế của công nghệ được chuyển giao và những nội dung khác liên quan đến việc chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của một hoặc các bên tham gia ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Căn cứ vào kết quả giám định công nghệ mà Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chuyển giao công nghệ.

- Môi giới tư vấn và chuyển giao công nghệ

Cung cấp dịch vụ môi giới tư vấn chuyển giao công nghệ.

Hợp tác với các tổ chức chuyển giao công nghệ, các tổ chức, các tổ chức phát triển công nghệ và cải tiến kỹ thuật mới.

Cung cấp thủ tục và hợp đồng chuyển giao công nghệ.

- Kiểm tra công nghệ các dự án đầu tư và các nội dung KHCN trong các quy hoạch phát triển KT - XH của địa phương

UBND tỉnh chỉ đạo, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác thẩm tra công nghệ trên địa bàn tỉnh và Danh mục lĩnh vực các dự án đầu tư cần thẩm tra công nghệ trên địa bàn tỉnh.

1.3.5. Đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ KHCN của địa phương

Căn cứ vào quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý chuyên ngành tổ chức đào tạo trình độ đại học, sau đại học; phát hiện, đào tạo bồi dưỡng nhân tài để bổ sung nguồn nhân lực khoa học và

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

công nghệ, bảo đảm cơ cấu ngành, lĩnh vực và vùng miền; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trên phạm vi cả nước.

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tự đào tạo, tham gia, tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ; khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ; ưu tiên thu hút, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

1.3.6. Đổi mới phân bổ vốn đầu tư cho phát triển KHCN

- Ngân sách Nhà nước

Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học và công nghệ từ 2% trở lên trong tổng chi Ngân sách Nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học và công nghệ, phải được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục Ngân sách Nhà nước hàng năm của bộ, ngành, địa phương.

Nguồn Ngân sách Nhà nước dành cho khoa học và công nghệ được dùng để chi cho những hoạt động nhằm duy trì và phát triển năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho tổ chức khoa học và công nghệ; bảo đảm hoạt động nghiên cứu cơ bản thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Kinh phí ngoài Ngân sách Nhà nước

Huy động nguồn vốn ngoài Ngân sách Nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ từ cá nhân, tổ chức. Các tổ chức, cá nhân được thành lập Quỹ
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

phát triển khoa học và công nghệ. Những tổ chức, cá nhân đầu tư cho khoa học và công nghệ sẽ được hưởng những ưu đãi về thuế, được tôn vinh và khen thưởng.

- Đầu tư của doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải dành kinh phí đầu tư nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa. Kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được tính là khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp đầu tư hoặc liên kết đầu tư nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa được quỹ khoa học và công nghệ xét hỗ trợ, cho vay và được hưởng ưu đãi khác theo quy định của Luật Khoa học và Công Nghệ

- Các quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ

Nhà nước thành lập, khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ để huy động nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ như Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ, Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao.

Các quỹ có điều lệ tổ chức và hoạt động riêng là căn cứ để xét hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư nghiên cứu, đổi mới, phát triển Khoa học và Công nghệ.

+ *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia do Chính phủ thành lập. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Chính phủ quy định. Quỹ được thành lập nhằm thực hiện những mục đích sau:

+ Tài trợ, cấp kinh phí cho việc thực hiện nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng.

+ Cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi để thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống.

+ Bảo lãnh vốn vay đối với một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt.

+ Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

+ *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để phục vụ yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ của mình.

Quỹ được hình thành từ nguồn vốn được cấp một lần ban đầu từ Ngân sách Nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; vốn bổ sung hằng năm từ phân bổ ngân sách cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và kết quả hoạt động của quỹ; đóng góp của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

+ *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận để tài trợ không hoàn lại, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, bảo lãnh vốn vay phục vụ yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân.

Quỹ này hình thành từ nguồn vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân thành lập không có nguồn gốc từ Ngân sách Nhà nước; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

+ *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp*

Doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỉ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Cơ chế quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ quy định.

Doanh nghiệp ngoài nhà nước được khuyến khích thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình hoặc đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ngành, địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định.

Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập quỹ và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp.

1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến đổi mới quản lý hoạt động KH-CN

1.4.1. Hệ thống Luật pháp, cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động KH-CN

Quản lý hoạt động Khoa học và công nghệ là sự tác động của nhà nước tới mọi hoạt động KH-CN của đất nước. Hoạt động khoa học công nghệ là đối tượng quản lý nhà nước đảm bảo hoạt động KH-CN diễn ra theo chiến lược phát triển KT - XH và phục vụ cho chiến lược đó đạt hiệu quả cao, khơi dậy tiềm năng khoa học công nghệ của đất nước để xây dựng đất nước giàu mạnh. Do vậy hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách có tác động mạnh mẽ, quyết định kết quả của hoạt động KH-CN. Trong những năm qua, hệ thống luật pháp được Đảng, nhà nước ta rất quan tâm xây dựng và không ngừng được đổi mới, hoàn thiện.

Trong những năm qua đã có nhiều bộ Luật có liên quan đến hoạt động KH-CN được ban hành, đó là: Luật Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2013, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2009), Luật Chuyển giao công nghệ (2006), Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (2006), Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa (2007), Luật Năng lượng nguyên tử (2008), Luật Công nghệ cao (2008), Luật Đo lường (2011) và các

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

quy định của tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XI "về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đánh dấu một bước tiến mới trong định hướng phát triển khoa và học công nghệ. Ngoài ra hệ thống văn bản dưới luật và các Nghị định liên quan đến KHCN được ban hành đồng bộ trên các lĩnh vực như CNTT, KHCN phục vụ nông nghiệp và nông thôn, quy định về chuyển giao công nghệ - sở hữu công nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào KHCN.

- Ở tỉnh Hòa Bình cũng đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến hoạt động KHCN:

Chỉ thị số 11/2008/CT-UBND ngày 20/10/2008 về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 26/5/2008 Ban hành quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong lĩnh vực bảo vệ quyền Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 15/03/2010 Ban hành Quy định về thẩm tra công nghệ, chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 06/04/2010 Ban hành Quy định phân công trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 06/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2015.

Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 03/05/2012 Quy định quản lý đo lường trong thương mại bán lẻ và tổ chức xây dựng điểm cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND, ngày 16/10/2014 về việc ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND, ngày 25/12/2014 về việc ban hành quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND, ngày 25/12/2014 về việc ban hành quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND, ngày 25/12/2014 về việc ban hành quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 26/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2012-2020.

Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 31/01/2013 của Tỉnh ủy Hòa Bình về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

1.4.2. Đầu tư tài chính cho KHCN

Vốn đầu tư cho KHCN giữ vai trò quan trọng trong hoạt động KHCN. Bao gồm đầu tư từ NSNN, đầu tư của các doanh nghiệp, đầu tư của cộng đồng xã hội. Ngân sách đầu tư cho KHCN thông qua các hoạt động đầu tư phát triển nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ, đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư cho việc đào tạo con người... Trong những năm qua, Chính phủ cũng đã tăng dần mức đầu tư cho KHCN, đạt mức 2% tổng chi ngân sách theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013). Tỉnh Hòa Bình hiện nay mức đầu tư ngân sách cho hoạt động KHCN giai đoạn 2010-2014 mới chỉ chiếm 0,43 % so với tổng chi ngân sách nhà nước của địa phương.

1.4.3. Yếu tố nhân lực tác động mạnh đến đổi mới quản lý hoạt động KHCN

Trình độ học vấn, trình độ đào tạo và năng lực cán bộ quản lý có tác động lớn đến đổi mới quản lý hoạt động KHCN.

Phát triển nhân lực là quá trình biến đổi nhân lực cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu nhằm phát huy, khơi dậy những tiềm năng con người, phát triển toàn bộ nhân cách và từng bộ phận trong cấu trúc nhân cách, phát triển cả năng lực vật chất và năng lực tinh thần, tạo dựng và ngày càng nâng cao, hoàn thiện cả về đạo đức và tay nghề, cả về tâm hồn và hành vi từ trình độ chất lượng này lên trình độ chất lượng khác cao hơn, toàn diện hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đổi mới quản lý hoạt động KHCN. Phát triển nhân lực là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của chiến lược phát KHCN.

Nâng cao chất lượng dân số và phát triển nhân lực là một trong những trọng điểm của chiến lược phát triển, là chính sách xã hội cơ bản, là hướng ưu tiên hàng đầu trong toàn bộ chính sách phát triển KHCN, phát triển kinh tế-xã hội của Đảng, Nhà nước ta nói chung và của tỉnh Hòa Bình nói riêng khi chuyển sang giai đoạn phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh

hội nhập, toàn cầu hóa về kinh tế. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Con người là vốn quý nhất, chăm lo hạnh phúc con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chế độ ta, coi việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.

1.5. Cơ sở thực tiễn của đổi mới quản lý hoạt động KH-CN

1.5.1. Kinh nghiệm ở các nước

- Kinh nghiệm của Hàn Quốc nổi bật trong sự xác lập mối liên hệ chặt chẽ thống nhất giữa mục tiêu phát triển Quốc gia và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ, việc xác định 99 mục tiêu công nghệ then chốt cần ưu tiên phát triển giai đoạn 2002-2012 được căn cứ vào cụ thể hóa từ 5 mục tiêu thể hiện tầm nhìn quốc gia, trong đó mấu chốt nhất trở thành quốc gia có năng lực cạnh tranh đứng thứ 10 thế giới, thu nhập bình quân đầu người đạt từ 20.000 đến 30.000 USD.

- Trung Quốc trong khi sử dụng cách tiếp cận hệ thống đổi mới để gắn khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế-xã hội thì vẫn duy trì 3 loại mục tiêu. Các mục tiêu cho nghiên cứu cơ bản, mục tiêu phát triển một số công nghệ then chốt và mục tiêu ứng dụng công nghệ trong một số lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Điều đáng lưu ý trong kinh nghiệm của Trung Quốc là việc đưa ra thứ hạng cụ thể cho năng lực sáng tạo khoa học công nghệ đứng vào hàng thứ 5 cường quốc về khoa học công nghệ thế giới và phấn đấu đưa ra kết quả khoa học và công nghệ có ảnh hưởng của tầm thế giới.

- Nhật Bản đưa ra tầm nhìn “ Innovation 25” để đưa ra và diễn đạt mục tiêu chung quốc gia, sau đó thông qua dự án nhìn trước công nghệ để lựa chọn ra 13 lĩnh vực và 858 công nghệ được ưu tiên phát triển. Các doanh nghiệp của Nhật Bản đầu tư nhiều chố KH-CN, họ liên kết với các Viện nghiên cứu, các trường Đại học để nghiên cứu, đưa ra những ứng dụng vào sản xuất sản phẩm đưa hàm lượng khoa học trong sản phẩm tăng lên.

- Thái Lan đưa ra các mục tiêu phát triển quốc gia trong tầm nhìn rồi cụ thể hóa bằng 4 lĩnh vực công nghệ nên cần đầu tư phát triển.

Nhìn chung kinh nghiệm các nước có khác nhau nhưng đều thể hiện 3 lớp mục tiêu chủ yếu: (i) Các mục tiêu chung theo cách tiếp cận hệ thống đổi mới đặt ra chung cho cả phát triển kinh tế-xã hội và khoa học công nghệ. (ii) Các mục tiêu nghiên cứu cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên. (iii) Các mục tiêu ứng dụng công nghệ trong một số ngành, một số lĩnh vực, sản phẩm trọng điểm của quốc gia.

1.5.2. Kinh nghiệm trong nước

- Thành phố Đà Nẵng đã có nhiều kinh nghiệm nhằm đổi mới cơ chế, chính sách cũng như nội dung quản lý nhiệm vụ KHCN. Thành phố đã thực hiện thí điểm khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN đến sản phẩm cuối cùng. Theo đó Sở KHCN Đà Nẵng không kiểm soát chi tiết từng chứng từ mà chỉ kiểm soát các sản phẩm của đề tài. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài được quyền điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi theo yêu cầu của công việc nghiên cứu. Sở KHCN Đà Nẵng đã đổi mới công tác xây dựng nhiệm vụ KHCN trình UBND thành phố phê duyệt các chương trình KHCN cho giai đoạn 5 năm. Nâng cao chất lượng khâu xác định và tuyển chọn nhiệm vụ KHCN.

- Tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều đổi mới trong quản lý hoạt động KHCN. Đổi mới ban hành các văn bản về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí quản lý và thực hiện các đề tài, dự án KHCN có sử dụng Ngân sách Nhà nước; các định mức chi được tính cao hay thấp dựa trên tổng kinh phí sự nghiệp KHCN đầu tư thực hiện đề tài, dự án và được chia theo các mức cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương. Văn bản quy định về xác định, tuyển chọn nhiệm vụ KHCN, thẩm định và đánh giá nghiệm thu các đề tài, dự án KHCN, theo đó phải xây dựng được các biểu mẫu cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức trong quá trình tác nghiệp và giúp cho các

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

tổ chức, cá nhân thuận lợi hơn khi thực hiện đề tài, dự án, bên cạnh đó cần xây dựng các tiêu chí riêng cho phù hợp với điều kiện thực tế; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tổng hợp hiệu quả ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN sau khi đã nghiệm thu kết thúc. Văn bản quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh, nhằm giúp cho các sở, ngành, địa phương quản lý thống nhất hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhất là về công tác xác định nhiệm vụ, thẩm định đề cương, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Nâng cao chất lượng các cuộc họp Hội đồng xác định nhiệm vụ KHCN như: Sau khi tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KHCN đăng ký thực hiện, Lãnh đạo sở cùng phòng quản lý khoa học và các bộ phận chức năng dự thảo ý kiến nhận xét cho từng đề tài, dự án và gửi đến các thành viên hội đồng trước khi họp hội đồng KHCN chuyên ngành tư vấn xem xét. Từ kết quả tư vấn của các hội đồng KHCN chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, gửi danh mục các nhiệm vụ KHCN dự kiến đưa vào thực hiện và không đưa vào thực hiện cho năm kế hoạch đến các thành viên Hội đồng xác định nhiệm vụ và tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh trước ngày họp từ 5 đến 7 ngày làm việc. Điều này giúp cho các thành viên Hội đồng xác định nhiệm vụ và tuyển chọn nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh thuận lợi hơn trong xem xét và cho ý kiến, không mất nhiều thời gian, công sức cho việc họp xác định các nhiệm vụ KHCN mà vẫn đạt chất lượng và hiệu quả.

Thành phố Hải Phòng đã xây dựng đề án phát triển khoa học công nghệ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về phát triển Khoa học và công nghệ.

1.5.3. Bài học kinh nghiệm trong đổi mới quản lý hoạt động KHCN

Trên cơ sở kinh nghiệm trong và ngoài nước, đề tài rút ra một số bài học kinh nghiệm áp dụng cho đổi mới quản lý hoạt động KHCN, đó là:

Một là, cần có cơ chế, chính sách tốt để tạo động lực cho phát triển KHCN, bao gồm các chính sách về huy động nguồn lực cho phát triển KHCN, chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách đãi ngộ trong nghiên cứu khoa học, chính sách thu hút nhân tài, chính sách đẩy mạnh xã hội hoá, tạo môi trường bình đẳng cho mọi tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, chính sách trong việc phát huy dân chủ, nâng cao tính sáng tạo trong nghiên cứu khoa học...

Hai là, đổi mới trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Đổi mới nhiệm vụ KHCN theo hướng đặt hàng, đổi mới từ khâu xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu đưa vào sử dụng các kết quả nghiên cứu.

Ba là, đổi mới cơ chế tài chính trong hoạt động KHCN. Chuyển mạnh quản lý khoa học và công nghệ từ cơ chế hành chính, bao cấp sang cơ chế thị trường; tách biệt quản lý giữa khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp trong hệ thống khoa học và công nghệ.

Bốn là cần gắn kết chặt chẽ sản xuất, kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu trong các doanh nghiệp, xác định doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ.

Năm là đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế về hoạt động khoa học và công nghệ, tiếp thu có chọn lọc tri thức khoa học, chuyển giao công nghệ, thu hút nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển khoa học và công nghệ.

Chương 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Câu hỏi đặt ra đề tài cần giải quyết

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài cần phải trả lời 3 câu hỏi đặt ra, đó là:

1. Nội dung, nhân tố nào tác động đến đổi mới quản lý hoạt động KHCN ở tỉnh Hòa Bình?
2. Thực trạng và những hạn chế trong quản lý hoạt động KHCN ở tỉnh Hòa Bình là gì?
3. Giải pháp nào cho đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh Hòa Bình?

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê, thu thập số liệu

+ Thu thập số liệu sơ cấp:

Thông qua khảo sát từ các doanh nghiệp thấy được sự quan tâm của doanh nghiệp về KHCN, sự đầu tư đổi mới máy móc thiết bị để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm. Các số liệu sơ cấp từ doanh nghiệp bao gồm: Thiết bị, công nghệ chính hiện doanh nghiệp đang sử dụng, loại công nghệ, công suất thiết kế, giá trị máy móc thiết bị, công nghệ mà doanh nghiệp đã đổi mới, năng suất, chất lượng sản phẩm sau khi doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hệ thống quản lý tiêu chuẩn chất lượng doanh nghiệp đang áp dụng, nguồn nhân lực của doanh nghiệp, các loại sản phẩm của doanh nghiệp, có sản phẩm công nghệ cao không, định hướng đầu tư, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, doanh nghiệp cần hỗ trợ gì từ nhà nước để đổi mới công nghệ, doanh nghiệp xây dựng quỹ phát triển KHCN không.

+ Thu thập số liệu thứ cấp:

Thông qua hệ thống thư viện của quốc gia, của Trường Đại học Kinh tế

và quản trị kinh doanh Thái Nguyên và các trường Đại học khác, các trang Web, các nhà khoa học để tìm những bài báo, bài viết, luận văn, luận án, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, các báo cáo có liên quan đến hoạt động KHCN, đổi mới quản lý hoạt động KHCN. Thông qua các Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh để tìm hiểu về hoạt động KHCN, những kết quả đạt được trong hoạt động KHCN ở các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là ở Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bắc Ninh.

Tổng hợp thông tin từ các công trình nghiên cứu:

Trên cơ sở thông tin, dữ liệu, đề tài thu thập những số liệu giúp cho việc nghiên cứu, bao gồm các số liệu về hoạt động KHCN, hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN...

- Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp phân tích số liệu được sử dụng để thẩm định, để giải quyết những vấn đề còn gây tranh cãi, chưa có sự thống nhất giữa các nhà khoa học. Phân tích số liệu giúp chúng ta nhận ra những lỗ hổng của các nghiên cứu trước, những lĩnh vực cần phải nghiên cứu hoặc chứng minh thêm.

Phân tích số liệu về hoạt động khoa học công nghệ, thông qua các số liệu về số đề tài, dự án nghiên cứu, số liệu về đầu tư tài chính cho khoa học và công nghệ, số liệu về nguồn nhân lực khoa học công nghệ. Với phương pháp phân tích số liệu chúng ta có cơ hội để xem xét những nghiên cứu nào đã được tiến hành để giải quyết vấn đề có liên quan tới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, kết quả của các nghiên cứu đó như thế nào, hệ thống các tiêu chí đánh giá đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ mà các kết quả nghiên cứu trước đây có được. Trên cơ sở phân tích số liệu đó để phát hiện những lỗ hổng cho việc nghiên cứu của đề tài, để phương pháp phân tích số liệu đạt kết quả cao.

Trên cơ sở mối quan hệ biện chứng của các phương pháp nghiên cứu ,

luận văn nghiên cứu phân tích làm rõ các nhân tố tác động, ảnh hưởng đến đổi mới quản lý hoạt động KHCN. Phân tích và làm rõ nguyên nhân những tác động của đổi mới quản lý hoạt động KHCN tác động tới tăng trưởng kinh tế ở tỉnh Hòa Bình.

Trên cơ sở số liệu, dữ liệu có được, đề tài tập trung phân tích và tổng hợp những nhân tố tác động đến đổi mới quản lý hoạt động KHCN; đánh giá những thành tựu trong hoạt động KHCN tại tỉnh Hòa Bình, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động KHCN.

- Phương pháp điều tra bằng phiếu bảng hỏi

Phiếu khảo sát là công cụ được dùng trong nghiên cứu này để khảo sát, doanh nghiệp qua đó thấy được sự quan tâm của doanh nghiệp về KHCN, sự đầu tư đổi mới máy móc thiết bị để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm. Để tiến hành điều tra doanh nghiệp điều trước tiên phải xây dựng phiếu điều tra, lấy ý kiến chuyên gia về phiếu điều tra, lựa chọn mẫu điều tra khoảng 50 doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu công nghiệp của tỉnh, tiến hành điều tra doanh nghiệp bằng phương pháp gặp trực tiếp các doanh nghiệp. Phương pháp này tuy mất nhiều thời gian nhưng độ chính xác cao vì gặp trực tiếp được lãnh đạo doanh nghiệp. Phiếu điều tra được xây dựng trên cơ sở hệ thống các câu hỏi bao gồm: Thiết bị, công nghệ chính hiện doanh nghiệp đang sử dụng? Loại công nghệ nào? Công suất thiết kế ra sao? Giá trị máy móc thiết bị, công nghệ mà doanh nghiệp đã đổi mới như thế nào? Năng suất, chất lượng sản phẩm sau khi doanh nghiệp đổi mới công nghệ? Hệ thống quản lý tiêu chuẩn chất lượng doanh nghiệp đang áp dụng? Nguồn nhân lực của doanh nghiệp? các loại sản phẩm của doanh nghiệp trong đó có sản phẩm công nghệ cao không? Định hướng đầu tư, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp? Doanh nghiệp cần hỗ trợ gì từ nhà nước để đổi mới công nghệ? Doanh nghiệp có xây dựng quỹ phát triển KHCN không?

- Phương pháp tham vấn ý kiến chuyên gia

Phương pháp tham vấn ý kiến chuyên sử dụng trong nghiên cứu này là trong quá trình nghiên cứu, thu thập thông tin, đánh giá hiện trạng hoạt động KHCN tại tỉnh, cũng như đề xuất các giải pháp đổi mới quản lý hoạt động KHCN đều lấy ý kiến tham khảo của các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động KHCN. Các chuyên gia này có thể làm việc tại Sở Khoa học và Công nghệ, tại Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc tại các Viện nghiên cứu...

2.3. Các chỉ tiêu phân tích, đánh giá đổi mới quản lý hoạt động KHCN

Để đánh giá mức độ đổi mới quản lý hoạt động KHCN, Luận văn sử dụng các tiêu chí sau:

- Đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ so với tổng chi ngân sách ở địa phương. Chỉ tiêu này phản ánh mức độ đầu tư ngân sách cho KHCN của tỉnh có đảm bảo tỉ lệ 2% chi ngân sách hàng năm theo quy định tại Luật KHCN hay không.

- Kết quả nghiên cứu triển khai các đề tài, dự án. Chỉ tiêu này phân tích các kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án hàng năm, số lượng, chất lượng các đề tài nghiên cứu, khả năng ứng dụng của các đề tài nghiên cứu.

- Tăng cường tiềm lực cho khoa học và công nghệ. Chỉ tiêu này cho thấy đầu tư cơ sở vật chất cho Sở KHCN và các đơn vị trực thuộc Sở KHCN để đổi mới trang thiết bị, điều kiện làm việc, năng lực làm việc của cán bộ KHCN.

- Hỗ trợ đổi mới công nghệ. Chỉ tiêu này đánh giá sự hỗ trợ từ nhà nước cho hoạt động đổi mới doanh nghiệp của các doanh nghiệp.

- Mức độ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này phản ánh tốc độ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Tỉ lệ sản phẩm công nghệ cao/tổng giá trị sản phẩm công nghiệp của tỉnh. Chỉ tiêu này cho thấy sản phẩm công nghệ cao chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, qua đó đánh giá việc đầu tư đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp.

- Đóng góp của khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đây chính là chỉ tiêu TFP phản ánh yếu tố khoa học và công nghệ đóng góp bao nhiêu phần trăm cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ tiêu TFP của Việt Nam năm 2015 dự kiến đạt 30%.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÒA BÌNH

3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Hòa Bình

3.1.1. *Khái quát đặc điểm tự nhiên*

* Vị trí địa lý và Dân số:

Hòa Bình là tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc, tiếp giáp với đồng bằng Sông Hồng, cách thủ đô Hà Nội 72km, có diện tích tự nhiên là 4.662km², chiếm 1,43% diện tích cả nước. Toàn tỉnh có 10 huyện, 1 thành phố, gồm 197 xã, 6 phường, 11 thị trấn. Hòa Bình có 63 xã vùng cao thuộc huyện Mai Châu, Đà Bắc và một số xã thuộc huyện Kim Bôi, Tân Lạc, Kỳ Sơn và Thành phố Hòa Bình, trong đó có 60 xã đặc biệt khó khăn. Tỉnh có 6 dân tộc anh em, dân tộc Mường chiếm 60,3%, dân tộc Kinh chiếm 31%, các dân tộc Thái, Tày, H' mông, Dao chiếm 8,7%.

Dân số trong độ tuổi lao động vào khoảng 440 000 người bằng 57% dân số toàn tỉnh, lao động làm việc trong ngành kinh tế chiếm 82% lao động trong độ tuổi, lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm 10,7%.

* Địa hình:

Địa hình có sự phân chia thành 2 vùng rõ rệt. Vùng núi cao (phía Tây Bắc) độ cao trung bình 600-700m, có diện tích là 212.740 ha chiếm 46%. Vùng núi thấp (phía Đông Nam) độ cao trung bình 100-200m, có diện tích là 253.512 ha, chiếm 54% diện tích tự nhiên của tỉnh.

* Khí hậu:

Khí hậu Hòa Bình tương đối thuận lợi cho phát triển sản xuất nông-lâm

nghiệp, nhưng những năm gần đây chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến bất thường gây ra nắng hạn, mưa, lũ làm ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân. Lượng mưa bình quân trong năm đạt trị số khá cao: 1.800mm, độ ẩm trung bình 83%, nhiệt độ trung bình 24,7°C.

* Thủy văn:

Hòa Bình có mạng lưới sông, suối phân bố tương đối đều trên các huyện, thị. Trong đó sông lớn nhất chảy qua tỉnh là sông Đà, có tổng chiều dài là 151km. Hồ sông Đà dung tích 9,5 tỉ M3 nước phục vụ chủ yếu cho nhà máy Thủy điện Hòa Bình và cắt lũ về mùa mưa, phân nước về mùa khô cho đồng bằng sông Hồng. Trên địa bàn tỉnh còn có nhiều hồ, đầm lớn nhỏ khác với tổng diện tích mặt nước 1.924,4ha cung cấp nước cho sản xuất nông - công nghiệp và đời sống.

* Tài nguyên khoáng sản:

Toàn tỉnh hiện có 194.308ha diện tích có rừng, tương ứng với độ che phủ rừng bình quân 5 năm (2010-2014) đạt 48,5%, trong đó có gần 136.300 ha đất có rừng đã giao cho hộ quản lý. Trữ lượng gỗ cây đứng là 3,333 triệu m³.

Tỉnh Hòa Bình có nguồn khoáng sản phong phú, nhất là vật liệu xây dựng, những năm gần đây nhiều loại khoáng sản đã được tổ chức khai thác như: Amiăng, than, nước khoáng, đá vôi v.v... đáng lưu ý là đá xây dựng, nước khoáng, đất sét, có trữ lượng lớn, các khoáng sản khác có trữ lượng nhỏ và phân bố rải rác.

* Tiềm năng đất:

Diện tích tự nhiên là 4595 km²: Trong đó 13,4% đất nông nghiệp; 31,7% đất lâm nghiệp; 16,3% đất chuyên dùng; 2,2% đất khu dân cư và 36,5% đất chưa sử dụng (trong đó: núi đá không có rừng cây chiếm 14,3%).

* Tiềm năng du lịch

Hòa Bình là cái nôi của người Việt cổ, có 6 dân tộc chủ yếu cùng sinh sống, có nhiều di tích văn hóa, lịch sử, thuận lợi cho du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, tạo cho Hòa Bình khả năng phát triển du lịch và dịch vụ, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế.

Với thuận lợi có nhiều phong cảnh đẹp, suối nước nóng Kim bô, nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Bản Lác Mai châu, nhiều hang động: động cô tiên, động thác bờ, hang nước Yên thủy... nhiều ngành nghề truyền thống, nhiều nét văn hoá đặc sắc của động bào Mường, Thái...

Với nhiều làng nghề truyền thống tồn tại hàng ngàn năm và luôn được phát huy, như dệt Thổ cẩm Mai châu, đúc công chiêng Kim bô, Lạc sơn... du lịch sinh thái vườn Bãi Chảo, suối Tiên.

Hòa Bình hội tụ các loại hình du lịch như du lịch văn hoá , du lịch nghiên cứu, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng.

3.1.2. Đặc điểm kinh tế- xã hội tỉnh Hòa Bình

- *Về kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2010-2014 đạt 10,5%, cơ cấu kinh tế nông nghiệp chiếm 23,8%, công nghiệp-xây dựng 43,3%, dịch vụ chiếm 32,9%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 1.400 USD, thu ngân sách đạt 2.100 tỉ đồng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 180 triệu USD, toàn tỉnh có 2.100 doanh nghiệp.

- *Đặc điểm về văn hoá, xã hội:*

Hòa Bình là vùng đất mở có nền văn hoá của người Việt cổ, nền văn hoá xứ Mường, cửa ngõ Tây Bắc. Nơi đây hiện tượng giao lưu văn hoá được xác lập qua sưu tập công cụ sản xuất mang dấu ấn văn hoá Hòa Bình, giao tiếp, hội nhập với văn hoá Sông Hồng.

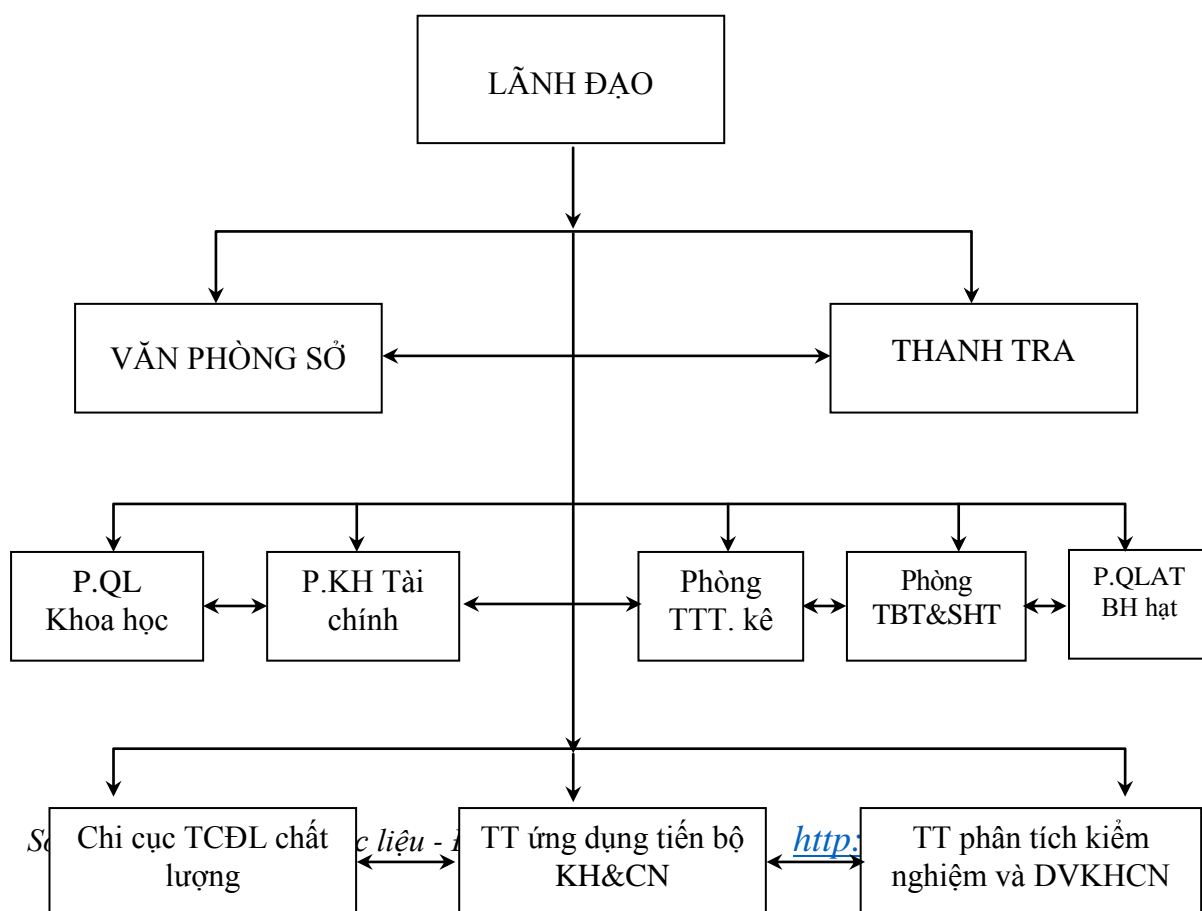
Tỉnh Hòa Bình là vùng đất của dân ca Mường, mang đậm nét đặc trưng của người Việt cổ. Nơi đây cũng thể hiện văn hoá ứng xử, giao tiếp mang tính cộng đồng hướng về cội nguồn, thể hiện khát vọng chân chính của con người.

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động KHCN ở tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2010-2014

3.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KHCN tỉnh Hoà Bình

Ngành KHCN tỉnh Hoà Bình được thành lập ngày 25 tháng 3 năm 1960, từ tên gọi ban đầu: “Hội phổ biến khoa học kỹ thuật”, “Ban Khoa học và Kỹ thuật” đến nay là Sở Khoa học và Công nghệ. Trải qua 54 năm hoạt động (1960-2014), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các thể hệ cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ tỉnh Hoà Bình đã mang hết công sức, nghị lực, trí tuệ cùng với cán bộ nhân dân các dân tộc tỉnh Hoà Bình đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhanh chóng hội nhập với sự phát triển chung của đất nước.

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, thực hiện các dịch vụ về khoa học và công nghệ.



Hình 3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình

- Lãnh đạo Sở gồm có Giám đốc và 03 phó giám đốc.
- Tổ chức chuyên môn, gồm: Văn phòng sở, Thanh tra sở, Phòng Quản lý Khoa học; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Thông tin, thống kê KHCN; Phòng TBT và SHTT. Ba đơn vị trực thuộc: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN; Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường, chất lượng.
- Số lượng cán bộ công chức, người lao động từ 60 người vào năm 2008 nay tăng lên 96 người, trong đó có 1 Tiến sỹ, 11 Thạc sỹ, còn lại là cán bộ có trình độ Đại học.

3.2.2. Ngân sách địa phương đầu tư cho hoạt động KHCN

Tài chính là một trong các điều kiện cơ bản để phát triển khoa học công nghệ. Việc tuân theo các quy luật về phát triển khoa học công nghệ và phát triển kinh tế để tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả đối với tài chính khoa học công nghệ có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Ngân sách dành cho hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2010-2014 được tập trung vào các nhiệm vụ chính là:

- Hoạt động nghiên cứu triển khai (thực hiện các đề tài, dự án)
- Hoạt động chuyên môn của ngành (bao gồm các hoạt động quản lý nhà nước về khoa học công nghệ; Chi lương và hoạt động bộ máy của các đơn vị sự nghiệp; Hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện, thành phố)
- Tăng cường tiềm lực (Chi đầu tư phát triển cho khoa học công nghệ)

Kinh phí dành cho thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án) được phân bổ bình quân chiếm 48% đảm bảo theo đúng quy định đã góp
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

phần quan trọng đảm bảo chất lượng đầu ra cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng. Bên cạnh đó, kinh phí phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về khoa học công nghệ ở tỉnh và huyện, thị được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

Tuy nhiên trong những năm qua kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ ở tỉnh còn thấp, được thể hiện ở Bảng tổng hợp sau đây:

Bảng 3.1. Đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN giai đoạn 2010-2014

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	Chi hoạt động KH&CN			Tổng số	Tổng chi NSDP	Tỷ lệ chi cho hoạt động KH&CN/Tổng chi NSDP (%)
	<i>Hoạt động nghiên cứu triển khai</i>	<i>Hoạt động chuyên môn của ngành</i>	<i>Tăng cường tiềm lực</i>			
2010	5	1,6	3,5	10,1	5.100	0,20
2011	6,8	2,0	5,0	13,8	7.100	0,19
2012	7,1	2,6	6,0	15,7	7.300	0,22
2013	8,5	3,1	6,5	18,1	8.200	0,22
2014	10,8	4,1	7,5	24,4	8.300	0,27
Bình quân 5 năm				16,42	7.200	0,22

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình

Nhìn vào sự đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2010-2014 ta thấy: Tổng kinh phí đầu tư trong 5 năm là 80,1 tỷ đồng, bình quân mỗi năm là 16,42 tỷ đồng, kinh phí hàng năm có xu hướng tăng từ 10,1 tỷ đồng năm 2010 lên 24,4 tỷ đồng năm 2014 nhưng tỷ lệ bình quân 5 năm so với tổng chi ngân sách địa phương chỉ chiếm 0,22%.

- Việc sử dụng kinh phí khoa học được dành phần lớn cho các hoạt động nghiên cứu triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ với 38,2 tỷ đồng, chiếm 47,7% tổng chi, tập trung trong 4 lĩnh vực chủ yếu là: Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp và xây dựng; Nghiên cứu Khoa học xã hội và nhân văn; Điều

tra cơ bản, xây dựng các luận cứ khoa học phục vụ lãnh đạo và quản lý Nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 nay là ISO 9001:2008 và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Việc đầu tư tập trung vào hoạt động này đã cho thấy vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ trong đóng góp phát triển lĩnh vực mũi nhọn, khâu đột phá trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm thủy sản và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm của tỉnh.

- Kinh phí cho các hoạt động chuyên môn của ngành được quan tâm với số tiền trong 5 năm là 13,4 tỷ đồng, chiếm 16,7% tổng chi, bình quân mỗi năm được bố trí 2,68 tỷ đồng cho các hoạt động này đã nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên các mặt hoạt động: tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ; quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân; thông tin và thống kê khoa học công nghệ; thanh tra khoa học công nghệ...

- Kinh phí tăng cường tiềm lực đầu tư phát triển cho khoa học và công nghệ là 28,5 tỷ đồng, chiếm 35,6% tổng chi. Nhờ có nguồn vốn đầu tư và phát triển, các tổ chức khoa học công nghệ được tăng cường một bước về cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, các phòng thí nghiệm được hiện đại hóa theo tiêu chuẩn đã được nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác dịch vụ khoa học công nghệ chuyển giao công nghệ trên địa bàn, tạo tiền đề thực hiện chế độ tự chủ cho các tổ KHCN chức theo lộ trình thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP.

Trên thực tế sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển KHCN trong 5 năm qua đã góp phần đẩy mạnh quá trình đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương.

Hòa Bình là tỉnh miền núi điểm xuất phát thấp, kinh tế chậm phát triển,
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

thu ngân sách trên địa bàn thấp mới chỉ đạt 1/4 chi ngân sách địa phương. Đầu tư ngân sách cho hoạt động KH&CN bình quân 5 năm 2010-2014 mới đạt 16,2 tỉ đồng/năm. Tuy nhiên việc đầu tư này cũng còn bộc lộ một số hạn chế:

- Tỷ lệ kinh phí ngân sách địa phương đầu tư cho KH&CN thấp so với quy định chung là 2% tổng chi ngân sách nhà nước theo Nghị quyết Trung ương II (Khóa VIII) và theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

- Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư: Mặc dù kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN ít, nhưng lại phân bổ dàn trải đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả và chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, cụ thể: kinh phí phân bổ cho 122 đề tài thuộc 6 lĩnh vực và không hợp lý giữa các lĩnh vực, tập trung nhiều vào lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: 28,2%, trong khi thế mạnh của tỉnh là lĩnh vực nông, lâm nghiệp, khai thác tài nguyên và du lịch lại đầu tư ít.

3.2.3. Kết quả nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, dự án

Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2015, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND ban hành Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ Hòa Bình giai đoạn 2011-2015. Thực hiện Quyết định trên, trong thời gian qua, khoa học công nghệ của tỉnh ta đã tiếp cận nhiều thành tựu khoa học và công nghệ và tiến bộ kỹ thuật ở trong nước để tạo ra nhiều sản phẩm KH&CN có giá trị cao. Thông qua các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng, hoạt động KH&CN đã gắn chặt chẽ với sản xuất, đời sống mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực. Kết quả của nhiều đề tài, dự án được áp dụng vào sản xuất tạo ra sản phẩm mới có chất lượng cao, nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Bảng 3.2. Số lượng các đề tài giai đoạn 2010-2014 trên một số lĩnh vực

Lĩnh vực	Số lượng đề tài, dự án	Kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
----------	------------------------	--------------------	-----------	---------

		(tỷ đồng)		
Nông nghiệp	32	9,6	25,1	
Công nghệ - xây dựng	10	3,5	9,10	
Y tế - Giáo dục	15	4,0	10,5	
Khoa học tự nhiên	13	5,5	14,5	
Xã hội – Nhân văn	39	10,8	28,2	
Khác	13	4,8	12,6	
Cộng 5 năm	122	38,2		

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình

3.2.3.1. Lĩnh vực khoa học nông, lâm nghiệp:

Trong 5 năm qua có 32 đề tài, dự án với tổng kinh phí là 9.600 triệu đồng chiếm 25,1 % tổng kinh phí các đề tài nghiên cứu KH-CN được dành cho việc thực hiện các đề tài nông, lâm, thủy sản. Trong đó: có 10 đề tài nghiên cứu ứng dụng về cây trồng 05 đề tài về chăn nuôi, thú y, 03 đề tài nghiên cứu lâm sinh, 03 đề tài về nghiên cứu thủy lợi và thủy sản, 08 đề tài nghiên cứu về chính sách, các giải pháp về quản lý kinh tế nông lâm nghiệp và 03 dự án sản xuất thử nghiệm. Các đề tài thuộc lĩnh vực này đã tập trung vào những trọng điểm sau đây:

- Đưa nhanh tiến bộ về giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, có sức chống chịu sâu bệnh và phù hợp với sinh thái ở địa phương, hướng tới phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung cao như: Vùng sản xuất Cam Cao Phong với diện tích gần 1000ha hiện nay đã xác định được các giống có hiệu quả kinh tế cao như: Cam CS1, cam Ôn Châu, quýt Hà Giang, cam Xã Đoài lùn, cam Xã Đoài cao, cam Canh, cam V2 cho thu hoạch giải vụ từ tháng 10 năm trước đến tháng 04 năm sau. Để đảm bảo giống mở rộng diện tích hiện nay đã xác định được các cây đầu dòng của mỗi loại để từ đó phục vụ cho mở rộng diện tích. Hiện nay vùng Cam Cao phong đã được cấp chỉ dẫn địa lý Cao phong cho sản phẩm cam. Ngoài ra công nghệ CAS trong bảo quản cam Cao phong đang được triển khai thực hiện. Sản phẩm Mía Tím Hòa Bình đã xây dựng được nhãn hiệu tập thể, các hoạt động nghiên cứu phục

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

tráng và bảo tồn nguồn gen đã được triển khai và có kết quả tốt. Đồng thời nghiên cứu, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa có lợi thế cạnh tranh của tỉnh như: Bảo tồn và phát triển hạt dổi huyện Lạc Sơn, Rau Su Su huyện Tân Lạc, Quả Lặc Lầy huyện Lương Sơn, Quýt xã Nam Sơn, huyện Tân Lạc, Bưởi da xanh và bưởi đỏ huyện Tân Lạc, Nhãn huyện Kim Bôi... Đưa một số giống lạc, giống đậu tương có khả năng chịu hạn vào khảo nghiệm so sánh, kết quả đã xác định được các giống lạc chịu hạn như L18, L14, L15, SL1; các giống đậu tương có khả năng chịu hạn tốt như: DDT2201, DDVN5, DDT12, DDT2006; các giống ngô có khả năng chịu hạn như: VN9860, LVN99, MB69, MB61, NK54 ... Đề tài phục tráng giống ngô nếp Mai Châu đã chọn được 6 dòng ngô nếp có triển vọng ở các xã Thung Khe, NoongLuong, PùBin và đã xây dựng ruộng sản xuất, đánh giá 0,5 ha với dòng số 1 ở Thung Khe.

- Khoa học và Công nghệ phục vụ cho sản xuất đảm bảo an ninh lương thực, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có hiệu quả như: Khảo nghiệm sản xuất 2 giống lúa MĐ1 và MĐ25 do nông dân xã Hạ Bì huyện Kim Bôi tỉnh Hoà Bình chọn tạo và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận giống MĐ25 là giống cây trồng Nông nghiệp mới; Nghiên cứu các giống lúa thuần, chịu hạn, các giống ngô mới để bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh như Giống CH2, CH3 chịu hạn, giống Ngô LVN25, SH099, các giống lúa chịu lạnh trồng ở các vùng cao. Ngoài ra để khai thác thế mạnh của tỉnh các đề tài tập trung nghiên cứu các nội dung như; trồng thử nghiệm giống cam Cara cara; tạo Trầm hương trên cây Dó bầu tại huyện Kim Bôi và huyện Đà Bắc; xây dựng mô hình và phát triển 02 loại rau đặc sản; rau Bò khai và rau Sắng. Cải tạo nhãn, xoài huyện Mai Châu bằng các giống mới hiệu quả... từ các kết quả này đã hình thành các vùng sản xuất các loại cây con đặc sản để khai thác và phát triển sản xuất hàng hóa thế mạnh của tỉnh.

Ngoài ra, việc khảo nghiệm thành công 1 số cây ăn quả giống mới, nhất là các giống có nguồn gốc ôn đới ở Hang Kia, Pà Cò đang mở ra triển vọng

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

khai thác tiềm năng lợi thế của 2 xã phát triển 500 ha chè Shan tuyết.

- Về chăn nuôi, thủy sản nghiên cứu thành công cho đẻ nhân tạo cá Bống, cá Trắm đen; nuôi thử nghiệm thành công cá Tầm trên hồ Hòa Bình, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để thâm canh phát triển cá lăng chấm. Đẩy mạnh việc cải tạo đàn bò và trồng cỏ chăn nuôi thâm canh bò, kết quả đã chọn được 2.000 bò cái nền để thụ tinh nhân tạo hoặc cho thụ tinh trực tiếp với giống bò ngoại Brahman có chất lượng và trọng lượng cá thể cao. Mặt khác việc bảo tồn giống lợn bản địa được thực hiện ở huyện Mai Châu, huyện Đà Bắc vừa cung cấp sản phẩm cho thị trường có nhu cầu, vừa để bảo tồn nguồn gen quý của giống lợn địa phương, phục vụ cho công tác lai tạo giống.

- Về lâm nghiệp đã thực hiện đánh giá nguy cơ hoang mạc hóa, xây dựng mô hình thí điểm trên cơ sở phát triển nông lâm nghiệp bền vững và lập được các bản đồ 1:50.000 về nguy cơ hoang mạc hóa, rừng, phân loại khí hậu ở Hòa Bình. Khảo nghiệm một số giống cây lâm nghiệp bản địa có giá trị kinh tế cao và đã lựa chọn được 28 loài để dùng làm nguồn gốc phục vụ cho sản xuất đại trà.

3.2.3.2. Lĩnh vực khoa học y tế, giáo dục

Các đề tài nghiên cứu KHCN thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đã góp phần nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Hoạt động y tế dự phòng được chú trọng, nhiều năm không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Mạng lưới y tế xã phường, thị trấn, phòng khám đa khoa khu vực, bệnh viện tuyến huyện được tăng cường đầu tư.

Giai đoạn 2010-2014 có 15 đề tài, dự án với kinh phí thực hiện là 4.000 triệu đồng, chiếm 10,5% so với tổng kinh phí thực hiện các đề tài, dự án. Dưới đây là một số kết quả điển hình của 1 số đề tài đã thực hiện.

- Bước đầu đánh giá thực trạng người mang gen ẩn bệnh Thalassimia độ tuổi từ 15-19 tuổi trong cộng đồng các dân tộc tỉnh Hòa Bình; Đánh giá tuổi
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

động mạch và yếu tố nguy cơ tim mạch ở bệnh nhân tăng huyết áp do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh quản lý; Điều tra thực trạng, xác định các yếu tố nguy cơ và đề xuất mô hình quản lý bệnh không lây nhiễm tại xã Phú Cường, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đề tài thực trạng hoạt động và các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về hành nghề y, được tư nhân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Kết quả cho thấy 61,48% cơ sở tập trung ở thành thị trong khi các cơ sở hành nghề y học cổ truyền ở đây chỉ chiếm 32,56% số còn lại của các cơ sở là hoạt động ở 11 huyện. Những người hành nghề có trình độ Đại học trở lên chiếm 80%, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt yêu cầu chiếm 85-95% số cơ sở.

- Đề tài đánh giá và các giải pháp phòng bệnh vẹo cột sống và cận thị thiết thực đối với các lứa tuổi học sinh vì hiện nay 75-80% số em bị mắc 1 trong 2 bệnh này. Do đó cần phải thực hiện hệ thống các giải pháp đề tài nghiên cứu đề xuất nhằm làm giảm thiểu bệnh vẹo cột sống và cận thị đối với học sinh.

- Việc xây dựng mô hình phát triển sinh thái nông lâm nghiệp kết hợp dưỡng sinh chữa bệnh tại huyện Mai Châu, Kim Bôi mở ra khả năng tốt khi khai thác các mỏ nước nóng khoáng đưa vào nghỉ dưỡng, chữa bệnh. Tuy nhiên để khai thác tiềm năng này cần thực hiện một số giải pháp đồng bộ trong đó có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các loại hình du lịch nghỉ dưỡng ở địa bàn các huyện khác như Tân Lạc, Lạc Sơn ...

- Dự án xây dựng vườn dược liệu để khôi phục và bảo tồn các giống dược liệu quý hiếm tại xã Thu Phong, huyện Cao Phong đã được xây dựng 3,7 ha để trồng 221 loại dược liệu quý hiếm trong đó có 1,5 ha cây xạ đen hỗ trợ chữa bệnh ung thư. Những loại dược liệu khác như Đà Nam, Đơn Tê, Thạch Thủ, Khôi Nhung, Bông Bông, Ba Kích, Thanh thiên quỳ, Niễng ... cũng được sưu tầm đưa vào trồng vườn dược liệu bảo tồn và phát triển.

Về giáo dục và đào tạo trong những năm qua tiếp tục được duy trì và
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục bậc tiểu học, chống nạn mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục đúng độ tuổi và giáo dục phổ cập trung học cơ sở, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học. Chất lượng giáo dục mũi nhọn, giáo dục đại trà có chuyển biến tích cực. Ngành giáo dục có được những bước đổi mới trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở tỉnh.

Các đề tài khoa học lĩnh vực giáo dục đã góp một phần đạt được những thành tựu nâng cao chất lượng dạy và học.

- Nghiên cứu phương pháp dạy và bồi dưỡng học sinh giỏi người dân tộc thiểu số tại trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ tỉnh Hòa Bình.

- Đã đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực dạy học cho đội ngũ giáo viên tiểu học và trung học cơ sở của tỉnh trong giai đoạn 2006-2010. Từ đó đề xuất một số giải pháp có tính khả thi để nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên.

- Việc nghiên cứu tổng kết mô hình Trường thanh niên lao động xã hội của chủ nghĩa giai đoạn 1950-1990 và hệ thống Trường dân tộc nội trú tỉnh Hòa Bình và những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực là con em dân tộc tỉnh Hòa Bình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hòa Bình là tỉnh đầu tiên tìm ra hướng giáo dục mới hiệu quả là trường vừa học vừa làm ở trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa nên đã được Bác Hồ về thăm và khen thưởng. Phát huy truyền thống của một thời vàng son vừa học, vừa làm, hệ thống Trường dân tộc nội trú đã có những bước tiến bộ qua các giai đoạn phát triển. Nhưng để phát huy kết quả trong việc đào tạo nguồn nhân lực là con em các dân tộc, đề tài nghiên cứu đã đề xuất 7 giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển mô hình giáo dục của hệ thống trường dân tộc nội trú cho tương lai.

- Một đề tài khác được quan tâm đến đối tượng nghiên cứu là học sinh bậc tiểu học và trung học như “thực trạng, giải pháp và mô hình thí điểm xã

hội học tập ở Hòa Bình” xây dựng gia đình hiếu học, dòng tộc hiếu học, trung tâm học tập cộng đồng, kết nối giữa các nhóm, câu lạc bộ phát triển cộng đồng kèm theo các giải pháp để thực hiện mô hình xã hội học tập này.

Qua nghiên cứu chỉ số IQ đối với học sinh tiểu học ở miền núi Hòa Bình cho thấy khi điều tra 2343 em có kết quả: Rất xuất sắc chiếm 1,39%, thông minh chiếm 19,58%, Trung bình chiếm 43,99%, dưới trung bình chiếm 18,35%, kém chiếm 6,38%, thiếu năng chiếm 1,83%.

3.2.3.3. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

Giai đoạn 2010-2014 thực hiện 13 đề tài khoa học với kinh phí 5.500 triệu đồng chiếm 14,5% tổng kinh phí thực hiện các đề tài, dự án.

Những đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực này là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách về quy hoạch, khai thác sử dụng tài nguyên, khoáng sản, quản lý khai thác các công trình thủy lợi.

- Đề tài “Điều tra hiện trạng và xây dựng bản đồ số về phong phóng xạ, bức xạ của tỉnh Hòa Bình” đã khảo sát, đo đạc lại các điểm có khả năng phóng xạ tự nhiên trên địa bàn tỉnh. Đánh giá phong phóng xạ, bức xạ ở các cơ sở trọng yếu trong tỉnh đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Nghiên cứu điều tra hiện trạng ô nhiễm Arsen, thủy ngân trong đất, nước tại Kim Bôi, Tân Lạc, Yên Thủy, Lạc Sơn và TP Hòa Bình: đã xây dựng được bản đồ As, Hg ô nhiễm ở 5 địa điểm nói trên. Đề xuất được các giải pháp nhằm giảm thiểu sự ô nhiễm As, Hg trong đất, nước trên địa bàn nghiên cứu.

- Việc “xây dựng Alats điện tử phục vụ công tác quy hoạch và phát triển tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Hòa Bình” Thiết lập cơ sở dữ liệu GIS được tạo mới và cập nhật 33 lớp bản đồ 1:100.000. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn phần mềm dữ liệu và Alats điện tử. Xây dựng Alats điện tử trên CD.ROM dưới dạng tĩnh (thích hợp trên Websile và in tập Alats trên giấy).

- Đề tài “Điều tra đánh giá một số loại hình nguyên liệu khoáng để sản

xuất hàng mỹ nghệ, góp phần hình thành phát triển làng nghề mới ở tỉnh Hòa Bình”. Đã nghiên cứu diện phân bố, đặc điểm địa chất, khoáng sản dùng để sản xuất hàng mỹ nghệ, ghép tranh nghệ thuật, trang trí kiến trúc, trang trí nội ngoại thất, thạch cảnh. Tại các huyện Đà Bắc, Cao Phong, Kim Bôi, Lương Sơn đã tìm được 4 mẫu đá gửi đi Đà Nẵng chế tác thử, kết quả rất đáng khích lệ và có triển vọng mở ra nghề mới cho Hòa Bình.

- Đề tài “Nghiên cứu, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất giải pháp phòng tránh trượt lở tại xã Phúc Sơn, Mai Châu tỉnh Hòa Bình” từ kết quả của đề tài đã kiến nghị UBND tỉnh cho di dời toàn bộ các hộ khỏi vùng nguy hiểm và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ 17 tỷ đồng để người dân di chuyển đến nơi ở mới, tạo điều kiện phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới.

3.2.3.4. Lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn

Giai đoạn 2010-2014 về lĩnh vực khoa học xã hội thực hiện 39 đề tài nghiên cứu với kinh phí 10.800 triệu đồng chiếm 28,2% tổng kinh phí nghiên cứu KHCN. Đây là lĩnh vực nghiên cứu tương đối rộng bao gồm nhiều vấn đề như kinh tế giáo dục, các vấn đề môi trường, lĩnh vực đô thị, lĩnh vực văn hóa, lĩnh vực dân tộc và tôn giáo, vấn đề tự quản cộng đồng, vai trò tổ chức xã hội, đặc tính văn hóa và đa dạng xã hội, vấn đề cơ cấu dân cư và nguồn nhân lực, những vấn đề lịch sử Hòa Bình trong tiến trình lịch sử Việt Nam và khu vực....

Giá trị thực tiễn của các đề tài nghiên cứu khoa học xã hội nằm ở khả năng giải quyết ít nhất một vấn đề cụ thể, đáp ứng nhu cầu cần giải quyết của đời sống xã hội đã và đang trực tiếp đặt ra. Dưới đây là nhóm các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội đã đạt được kết quả mong đợi:

(i) Nhóm đề tài nghiên cứu về văn hóa gồm có:

Nghiên cứu cơ cấu tổ chức làng cổ truyền dân tộc Mường ở Hòa Bình, tìm ra những giá trị truyền thống tốt đẹp nhằm bảo tồn và phát huy trong công
Sổ hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

cuộc xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Đã triển khai thực hiện các đề tài như Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nhà sàn của người Mường Hòa Bình dưới tác động của đô thị hóa; Mối và vai trò của Mối trong đời sống tinh thần người Mường Hòa Bình; Suu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và phát triển văn hóa của người Dao quần chẹt Hòa Bình; Suu tầm phục dựng các làn điệu công chiêng cổ của dân tộc Mường tỉnh Hòa Bình... Từ kết quả nghiên cứu đã đưa ra được các giải pháp để bảo tồn nhà sàn của người Mường Hòa Bình. Suu tầm, phục dựng các bài Mối cổ, các làn điệu Công chiêng cổ, mở các lớp truyền dạy để phát huy có chọn lọc văn hóa cổ truyền, góp phần xây dựng đời sống văn hóa mới ở làng xóm các dân tộc tỉnh Hòa Bình. Bên cạnh đó, kết quả các đề tài đã được sử dụng vào công tác lưu trữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, khai thác có hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch, văn hóa; Kiểm kê bảo tồn và phát huy giá trị trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số của Hòa Bình; Nghiên cứu đánh giá tình hình tôn giáo-giải pháp nâng cao hiệu quả công tác Tôn giáo ở Hòa Bình trong thời kỳ hội nhập kinh tế; Nghiên cứu và xây dựng mô hình du nhập nghề và nghề truyền thống đối với các thôn bản và cụm dân cư khi nhà nước thu hồi đất canh tác để xây dựng các khu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã ở Hòa Bình càng nhấn mạnh rằng nền văn hóa Hòa Bình rực rỡ ở Đông Nam Á và thế giới với nghề truyền thống dệt thổ cẩm của dân tộc Thái, Mường trên từng nét hoa văn đã thể hiện sinh động văn hóa dân tộc. Truyền thống cộng đồng của các dân tộc tỉnh Hòa Bình. Họ giúp nhau làm ăn và cùng chia sẻ niềm vui khi gia đình có công việc. Điều đó đã tạo nên những thuận lợi cơ bản khi tiến hành xây dựng hợp tác xã ở nông thôn. Hòa Bình có nhiều dân tộc: Mường, Thái, Kinh, Dao, Mông, Tày...với những phong tục, tập quán, tôn giáo, bản sắc văn hóa khác nhau nhưng đều được tôn trọng bảo tồn

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

và phát huy. Sự giao thoa văn hóa của các dân tộc này làm phong phú thêm cho nội hàm của “Nền văn hóa Hòa Bình”.

Các đề tài nghiên cứu khoa học về văn hóa còn quá ít so với nền văn hóa phong phú và đa dạng của tỉnh Hòa Bình. Kết quả của những đề tài này đã cho thấy thực trạng nền văn hóa hiện nay cần khôi phục văn hóa truyền thống làng với các trò chơi dân gian là nét đẹp văn hóa. Mặt khác các đề tài nghiên cứu cho thấy cấu trúc không gian vật chất nhà ở, gia đình, hôn nhân, trang phục, văn hóa ẩm thực, tôn giáo, tín ngưỡng tạo nên bức tranh phong phú, đa chiều. Từ đó đề xuất các nhóm giải pháp đối với từng dân tộc trên các khía cạnh kinh tế- xã hội góp phần vào việc định hướng xây dựng làng văn hóa đối với từng dân tộc của Hòa Bình.

(ii) Nhóm đề tài nghiên cứu về xã hội gồm có:

Một số đề tài điển hình là Thực trạng và giải pháp thu hút nhân lực có trình độ cao giai đoạn 2012-2020 do Sở Nội Vụ thực hiện ; Thực trạng , nguyên nhân và các giải pháp cơ bản giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình do Sở Giao thông Vận tải thực hiện; Thực trạng và những giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng uỷ, uỷ ban kiểm tra Đảng uỷ cơ sở ở Đảng bộ tỉnh Hoà Bình, do Ủy ban Kiểm tra tỉnh Ủy thực hiện; Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ, chất lượng đội ngũ Đảng viên loại hình tổ chức cơ sở Đảng các sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình do Đảng uỷ Khối các cơ quan tỉnh Hòa Bình thực hiện; Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực quyết định, hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hoà Bình do Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện....Kết quả các đề tài này đã nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động chuyên môn của các ngành.

(iii) Nhóm đề tài nghiên cứu về chính sách gồm có:

- Nghiên cứu chính sách khuyến khích tổ chức doanh nghiệp Hòa Bình đổi mới công nghệ và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

- Cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành cơ chế chính sách xã hội hóa hoạt động KHCN ở tỉnh Hòa Bình.

- Đánh giá tác động chính sách xóa đói giảm nghèo tại Hòa Bình, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo.

- Thẩm định kiểm tra và rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở Hòa Bình.

Ngoài một số đề tài trên đây còn có đề tài nghiên cứu khác về chính sách hoặc có liên quan đến chính sách đều đã đánh giá một cách khách quan về thực trạng những vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu trong đó nêu rõ được những mặt mạnh, mặt yếu khi thực thi các chính sách đã có trên địa bàn. Từ đó nội dung các đề tài đã đi sâu phân tích từng vấn đề được đặt ra cần xác định được kết quả trên cơ sở xác thực của khoa học. Điều quan trọng hơn qua nghiên cứu các đề tài đã đề xuất những ý kiến có giá trị để giúp tỉnh tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách đối với toàn xã hội. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính, đổi mới việc tổ chức thực hiện, đổi mới chính sách hỗ trợ nguồn nhân lực, xây dựng phát triển các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Tham gia hoạt động KHCN từng bước hình thành nên thị trường KHCN.

(iv) Nhóm đề tài nghiên cứu về kinh tế: bao gồm:

- Các giải pháp kinh tế kỹ thuật phát triển nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2008-2020.

- Đánh giá tiềm năng xác định cơ cấu sản phẩm chiến lược của Hòa Bình giai đoạn 2011-2015 có tính đến 2020.

Những đề tài trên đây cùng với một số đề tài khác của nhóm nghiên cứu về kinh tế ở Hòa Bình đều đánh giá Hoà Bình là một tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc nhưng có vị trí địa lý rất thuận lợi, giàu tiềm năng, phong phú

về tài nguyên, có nhiều lợi thế cho phát triển kinh tế. Nhưng Hòa Bình lại là tỉnh kinh tế chậm phát triển, chưa cân đối được ngân sách. Điều đó đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh Hòa Bình phải quyết tâm khơi dậy tiềm năng trí tuệ, để khai thác lợi thế so sánh, đặc biệt phải đổi mới tư duy kinh tế, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để phát triển nhanh, bền vững kinh tế-xã hội của tỉnh.

(v) Nhóm đề tài nghiên cứu phục vụ cho cải cách hành chính gồm có:

Hỗ trợ kinh phí cho 18 sở, ban, ngành trong tỉnh xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 đối với Văn phòng tỉnh ủy, văn phòng UBND tỉnh, ban quản lý các khu công nghiệp, UBND huyện Lương Sơn, Cao Phong, TP Hòa Bình... Chỉ riêng những đơn vị này đã xây dựng được hơn 200 quy trình cho các phòng ban và đơn vị trực thuộc và đã được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường Việt Nam cấp chứng chỉ công nhận.

Đề tài: “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cán bộ nông nghiệp xã, phường, thị trấn phục vụ sự nghiệp phát triển nông lâm nghiệp ở Hòa Bình.

Những đề tài trên đây thuộc nhóm những đề tài nghiên cứu phục vụ cho cải cách hành chính là một trong các khâu đột phá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Hòa Bình lần thứ XV (nhiệm kỳ 2010-2015). Kết quả của những đề tài này là sự đóng góp để nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý Nhà nước của bộ máy công quyền.

(vi) Nhóm đề tài nghiên cứu về nâng cao vai trò tham mưu của các ngành:

- Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng tham mưu về công tác dân vận tỉnh Hòa Bình.

- Các giải pháp phòng ngừa nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Đề tài thuộc nhóm nghiên cứu về vai trò tham mưu của các ngành tuy

không nhiều nhưng rất quan trọng vì nó đi vào phân tích, mổ xẻ các vấn đề tham nhũng. Giá trị của các đề tài khoa học là đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng. Hy vọng những đề xuất đó được các cấp áp dụng nhằm hạn chế tham nhũng trong bộ máy công quyền hiện nay.

(vii) Nhóm đề tài nghiên cứu về dân nguyện gồm có:

- Thực trạng, nguyên nhân và các giải pháp chủ yếu giải quyết khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn tới; Hiện trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả của việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính sự nghiệp; Nghiên cứu những vấn đề kinh tế-xã hội nảy sinh đối với nhân dân ở những nơi thu hồi đất để làm khu công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Hòa Bình. Qua đó đã chỉ ra những tác động tiêu cực như nông dân bị mất đất dẫn đến con đường 3 không: không tư liệu để sản xuất, không có ngành nghề lao động, không có việc làm để ổn định đời sống và thực tế đất thu hồi tại các khu công nghiệp lấp đầy chưa đến 50%, diện tích còn lại để hàng hóa trong khi nông dân thiếu đất canh tác.

Nắm bắt thực trạng xã hội, các đề tài nghiên cứu khoa học đã đi thẳng vào vấn đề bức xúc của cuộc sống người dân đang đặt ra. Đó là kết quả cao nhất của KHCN phục vụ cho chủ nghĩa nhân văn.

3.2.3.5. Lĩnh vực khoa học điều tra cơ bản, thông tin và một số lĩnh vực khác

Thực hiện 13 đề tài, dự án với kinh phí 4.800 triệu đồng, chiếm 12,6 % so với tổng số kinh phí thực hiện các đề tài, dự án. Cụ thể như sau:

- Đổi mới phương pháp chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân một số xã phường bằng ứng dụng công nghệ thông tin tại tỉnh Hòa Bình.

- Xây dựng mô hình và tổ chức tư vấn, chuyển giao, mô hình vay vốn tín dụng hợp lý và tiết kiệm cấp hộ nông dân/hộ trang trại.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và sử dụng tư liệu ảnh có độ phân giải cao cho công tác giám sát hiện trạng sử dụng đất.

- Phân vùng điều kiện địa lý tự nhiên cho việc trồng cây cao su tại tỉnh

Hòa Bình.

- Đánh giá tài nguyên nước phục vụ phát triển bền vững kinh tế Hòa Bình đến năm 2020.

- Ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý công trình thủy lợi tỉnh Hòa Bình.

- Phát triển công nghệ sinh học từ nay đến năm 2010 tầm nhìn 2020 của tỉnh Hòa Bình

- Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể rượu cần Hòa Bình cho sản phẩm rượu cần tỉnh Hòa Bình.

- Nghiên cứu đánh giá chất lượng, trữ lượng và phân bố mỏ đá vôi. Định hướng khai thác đá vôi phục vụ kinh tế - xã hội tỉnh Hòa Bình.

- Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Hòa Bình xây dựng xác lập phát triển tài sản trí tuệ.

- Nghiên cứu các giải pháp phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Đánh giá trình độ kỹ thuật các phương tiện đo chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đề xuất các giải pháp tăng cường công tác quản lý nhằm bảo vệ người tiêu dùng.

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng và hiệu quả hệ thống thông tin khoa học công nghệ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyển giao công nghệ ở địa phương.

Kết quả chủ yếu của nhóm đề tài điều tra cơ bản thông tin và một số lĩnh vực khác là có được những tài liệu cơ bản nhằm giúp cho việc nghiên cứu, điều tra, qui hoạch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như việc phát triển của ngành. Nhiều đề tài trong số này đã sử dụng công nghệ cao, công nghệ viễn thám, công nghệ tin học, công nghệ sinh học để

phục vụ cho nghiên cứu cho thấy những kết quả của đề tài hàm lượng chất xám cao, đảm bảo độ tin cậy để sử dụng làm những tài liệu cho công tác nghiệp vụ chuyên môn, trong đó phải kể đến việc sử dụng ảnh có độ phân giải cao cho công tác giám sát sử dụng đất; Xác định vùng địa lý tự nhiên phù hợp cho phát triển cây cao su; Ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý các công trình thủy lợi; Đánh giá chất lượng, trữ lượng sự phân bố các mỏ đá vôi nguồn tài nguyên khoáng sản kim loại lớn nhất của Hòa Bình... Tất cả những đề tài trên là nguồn dữ liệu vô cùng quan trọng để có hướng khai thác hợp lý, hiệu quả phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

3.2.4. Thực trạng đầu tư tiềm lực cho khoa học và công nghệ

Bảng 3.3. Đầu tư tài chính cho tăng cường tiềm lực giai đoạn 2010-2014

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	Tổng số	2010	2011	2012	2013	2014
Tăng cường tiềm lực KHCN	28,5	3,5	5,0	6,0	6,5	7,5

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình

Đầu tư tiềm lực cho khoa học và công nghệ giai đoạn 2010-2014 được tập trung vào:

- Phát triển mạnh nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, chuyên gia công nghệ giỏi, đội ngũ công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao đủ sức tiếp thu, thích ứng trong ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất và đời sống. Theo đó, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, đào tạo nguồn nhân lực, tạo môi trường thể chế và các chính sách thích hợp để thu hút cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, các chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực. Nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý khoa học và công nghệ của tỉnh. Chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ đầu ngành trong các lĩnh

vực công nghệ cao.

- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho khoa học và công nghệ : Giai đoạn này đầu tư mạnh về cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm nâng cao năng lực hoạt động để chuyển sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các dự án được triển khai thực hiện trong giai đoạn vừa qua bám sát các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về nội dung đầu tư và kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ. Cụ thể là: Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 quy định về cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Các văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm. Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ Hòa Bình đã chủ động đề xuất Bộ khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình phê duyệt và cho phép thực hiện đầu tư 04 dự án từ nguồn kinh phí đầu tư phát triển cho khoa học và công nghệ. Đến nay, đã có 4/5 dự án đã được triển khai sau khi có quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiến độ thực hiện các dự án đảm bảo bằng và vượt kế hoạch vốn đã được bố trí. Cụ thể ở một số dự án sau:

- Dự án Cải tạo xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng lưu mẫu và trang thiết bị kiểm định, đo lường, chất lượng cho Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ Hòa Bình (*Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 18/ 7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình*).

Mục tiêu đầu tư của Dự án nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, qua đó nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Dự án được bắt đầu triển khai từ 7/2012 và đến tháng 9/2013 đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục theo phê duyệt. Khối lượng thực hiện đạt 100% so với kế hoạch. Việc đầu tư hệ thống trang thiết bị chuyên môn đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động của Chi cục. Các nội dung kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường về chất lượng hàng hóa, đo lường đã được thực hiện nhanh, chính xác, đảm bảo đúng quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, dù các hạng mục cơ bản đã được hoàn thành nhưng do bị điều chuyển một phần kinh phí (theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày ngày 17/12/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình) nên hiện tại dự án vẫn còn nợ đọng thanh toán vốn xây dựng cơ bản với nhà thầu trong một số gói thầu.

- Dự án Ứng dụng công nghệ xây dựng phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Hòa Bình (Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 14/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình).

Mục tiêu đầu tư của Dự án là góp phần tăng năng suất một số chủng loại cây nông-lâm nghiệp, sản xuất các loại giống sạch bệnh chất lượng cao đảm bảo chất lượng. Tạo ra sản phẩm nuôi cấy mô tế bào đạt chất lượng cao, có uy tín và chiếm được chỗ đứng trên thị trường cũng như lòng tin của người nông dân sản xuất nông - lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình các khu vực lân cận.

Hiện tại Dự án đã hoàn thành những hạng mục cơ bản (chiếm khoảng 95% khối lượng phê duyệt): nhà nuôi cấy mô, hệ thống thiết bị phòng nuôi cấy mô, hệ thống nhà lưới công nghệ cao. Các hạng mục trên đều đã được đưa vào vận hành từ năm 2013. Kết quả hoạt động bước đầu đã tạo ra một số giống cây trồng có chất lượng cao từ phương pháp nuôi cấy mô như : chuối tiêu hồng, khoai sọ, hoa lan... Tuy nhiên đến nay dự án vẫn chưa thể thành hoàn thành 100% các hạng mục so với nội dung được phê duyệt, nguyên nhân chính là do Dự án chưa được cấp đủ nguồn kinh phí để thực hiện (điều chuyển

kinh phí theo Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình). Dự kiến trong thời gian tới khi được bố trí bù số kinh phí đã điều chuyển, dự án sẽ hoàn thành 100% khối lượng theo kế hoạch qua đó đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

- Dự án Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Hòa Bình, giai đoạn 2012-2015 (*Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình*).

Mục tiêu đầu tư của Dự án nhằm tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ cho Trung tâm theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến thời điểm hiện tại dự án đã hoàn thành 100% khối lượng phê duyệt, xây dựng nhà nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật gồm phòng thực hành đào tạo các kỹ thuật viên, phòng nghiên cứu thích hợp các công nghệ tiên tiến, nhà lưới công nghệ cao, vườn thực nghiệm (nhà lưới để áp dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đầu tư mua sắm trang thiết bị khu nuôi cấy mô và nhân giống nấm, nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ và các chế phẩm sinh học.

- Dự án Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm phân tích kiểm nghiệm và dịch vụ khoa học công nghệ Hòa Bình, giai đoạn 2012-2015 (*Quyết định 1642/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình*).

Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt từ năm 2012, tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 18,9 tỷ đồng. Tuy nhiên, do nguồn kinh phí thực hiện của Dự án được điều chuyển sang Dự án khác của tỉnh nên đến thời điểm hiện tại Dự án vẫn chưa triển khai thực hiện theo tiến độ thời gian được phê duyệt. Dự kiến sang năm 2016, dự án sẽ được bố trí nguồn vốn và triển khai thực hiện.

3.2.5. Thực trạng đầu tư cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp

3.2.5.1. Khái quát về đặc điểm các doanh nghiệp ở Hòa Bình

Công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng kinh tế và quyết định khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và quốc gia. Sự lạc hậu về công nghệ và kỹ thuật đã và đang tạo ra các sản phẩm chất lượng thấp, giá thành cao, không ổn định, làm hạn chế khả năng cạnh tranh khi giá thành trong nước cùng sản phẩm thường cao hơn sản phẩm đó nhập khẩu từ 20 đến 40%. Đây là hậu quả việc sử dụng công nghệ lạc hậu, chưa làm chủ được công nghệ nguồn, chậm đổi mới công nghệ...

(i) Đại đa số các doanh nghiệp ở Hòa Bình thuộc loại siêu nhỏ và nhỏ, số còn lại là doanh nghiệp vừa, các doanh nghiệp lớn rất ít. Đặc điểm này là nguyên nhân của mọi nguyên nhân chi phối và hạn chế các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Năm 2013 theo Cục Thống kê Hòa Bình trong tổng số 1.342 doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31 tháng 12 có:

- Các doanh nghiệp siêu nhỏ, qui mô dưới 10 lao động/doanh nghiệp chiếm 49,42%.
- Các doanh nghiệp nhỏ, qui mô từ 11 đến 50 lao động/doanh nghiệp chiếm 39,56%.
- Các doanh nghiệp vừa, có qui mô trên 50 lao động/doanh nghiệp chiếm 10,02%.

(ii) Vốn ít và thiếu vốn để sản xuất. Cũng có thể nói thiếu vốn là nguyên nhân đầu tiên cản trở đến sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác như đào tạo nguồn nhân lực, thực hiện đổi mới công nghệ, đẩy mạnh hoạt động R&D... Theo Niên giám thống kê năm 2013 của Cục Thống kê Hòa Bình công bố vốn sản xuất của các doanh nghiệp trong năm 2013 bình quân cho 1 doanh nghiệp cao nhất là các doanh nghiệp có vốn nước ngoài: 139.341 triệu đồng; doanh nghiệp cổ phần không có vốn nhà nước: 24.288 triệu đồng; doanh nghiệp nhà nước địa phương 23.309 triệu đồng; doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước 21.663 triệu đồng; công ty TNHH phát triển mạnh từ 398

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

doanh nghiệp năm 2008 lên 738 doanh nghiệp năm 2013 cũng có vốn bình quân 9.839 triệu đồng/doanh nghiệp. Bình quân chung của 1.329 doanh nghiệp (không có doanh nghiệp Trung ương) đang hoạt động trên địa bàn, vốn sản xuất là: 14.135 triệu đồng/doanh nghiệp. Vì vốn ít nên phải vay ngân hàng để sản xuất. Theo kết quả điều tra của đề tài ở 240 doanh nghiệp, trong 2 năm 2012, 2013 vốn tự có của doanh nghiệp chỉ đảm bảo 28,29% đến 37,18%, vốn vay tương ứng 2 năm này chiếm 71,71% đến 68,24%.

(iii) Trang thiết bị, máy móc của các doanh nghiệp ở Hòa Bình phần lớn là loại cũ, được sản xuất từ trước năm 1990. Theo đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình (2013) thì máy móc, thiết bị lạc hậu 2-3 thế hệ. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị sản xuất những năm 1970 chiếm 3%.
- Máy móc, thiết bị sản xuất những năm 1980 chiếm 32%.
- Máy móc, thiết bị sản xuất những năm 1990 chiếm 65%.

(iv) Hoạt động R&D trong doanh nghiệp còn yếu, năng lực cán bộ kỹ thuật còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Hiện nay đã có một số doanh nghiệp có kết hợp với ngành khoa học - công nghệ và các ngành chuyên môn xây dựng mô hình R&D trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; dịch vụ - du lịch... nhưng những điển hình này còn ít,, việc mở rộng ra diện còn hẹp. Nói chung hoạt động R&D còn yếu.

(v) Về lực lượng cán bộ kỹ thuật trong doanh nghiệp theo số liệu thống kê được ở 240 doanh nghiệp chiếm khoảng 14-15% so tổng số lao động, nhưng số cán bộ kỹ thuật này lại có xu hướng giảm bình quân trong 4 năm 2010-2013 là 5,07%. Đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch biến động qua các năm từ 4,5 người/doanh nghiệp (2010) đến 4,8 người/doanh nghiệp (2013), trong khi cán bộ chuyên làm công tác xúc tiến thương mại dao động từ 3,2 người (2012) đến 3,9 người. Vấn đề không phải là số lượng mà là năng

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

lực nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ này, dù rằng phần lớn đều được bồi dưỡng, tập huấn. Tỷ lệ cán bộ công tác kế hoạch đã qua đào tạo ngắn hạn đạt từ 77,0% (2013) đến 95,7% (2010). Nhìn chung tầm nhìn về chiến lược dài hạn về sản xuất, kinh doanh còn hạn chế.

3.2.5.2. Cơ chế của tỉnh có liên quan hỗ trợ đổi mới công nghệ đối với doanh nghiệp

Một mặt, tỉnh áp dụng cơ chế, chính sách của nhà nước trên địa bàn, mặt khác tỉnh cũng có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Những cơ chế đó thể hiện trong các nghị quyết, quyết định sau đây:

- Nghị quyết số 07/2007/NQ-TU của Tỉnh ủy ngày 11/6/2007 về phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2007-2010, định hướng đến 2015.
- Nghị quyết số 08/2007/NQ-TU của Tỉnh ủy ngày 11/6/2007 về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2007-2010, định hướng đến 2015.
- Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy về thu hút vốn đầu tư giai đoạn 2006-2010.
- Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 21/4/2011 quy định và quản lý, khuyến khích đầu tư.
- Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 17/12/2010 ban hành quy định trách nhiệm phối hợp giải quyết công việc giữa các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan Trung ương trên địa bàn.
- Văn bản số 1022/2011/VP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 05/8/2011 đảm bảo thực hiện dự án theo quyết định số 04.
- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế hỗ trợ đầu tư đổi mới.
- Quyết định số 227/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đầu tư đổi mới công nghệ cho công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Nhật.

Những cơ chế, chính sách trên đây của tỉnh được áp dụng đã trở thành đòn bẩy để thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển, thúc đẩy

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

việc đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

3.2.5.3. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

Việc đổi mới công nghệ của doanh nghiệp có nhiều nội dung và cũng có nhiều chính sách tác động. Song để thể hiện các chính sách liên quan hỗ trợ đổi mới công nghệ đang được tỉnh áp dụng trên địa bàn trong 5 năm qua ở một số lĩnh vực sau đây:

(i)- Việc nâng cấp, đổi mới trang thiết bị, máy móc được tỉnh ủy áp dụng thực hiện theo tinh thần Quyết định 677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

Các doanh nghiệp đã nhận được sự tư vấn cũng như thông tin từ cơ quan quản lý ngành dọc và Sở Khoa học và Công nghệ về các thông số kỹ thuật, chỉ dẫn địa lí những thiết bị, máy móc sẽ nhập khẩu để đưa vào sản xuất để tránh bị lạc hậu về thể hệ của máy móc cũng như nhập phải máy móc cũ đã qua sử dụng tỉnh đã có Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 02/02/2011 về việc hỗ trợ 162 triệu đồng để đổi mới thiết bị cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Nhật.

(ii)- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia thị trường công nghệ thông qua các hội chợ công nghệ ở trong tỉnh, trong nước và ngoài nước theo tinh thần vận dụng Luật Khoa học và Công nghệ, sử dụng quỹ phát triển khoa học - công nghệ quốc gia. Theo đánh giá thực trạng các doanh nghiệp ở Hòa Bình đã có 49% doanh nghiệp tham gia các hội chợ trong nước, 36% doanh nghiệp có tham gia hội chợ ngoài nước. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã tổ chức hội chợ công nghệ (Techmart) để các doanh nghiệp có cơ hội tìm kiếm công nghệ, thiết bị, máy móc, tham gia hội thảo, tranh thủ tư vấn, trao đổi về đổi mới công nghệ. Tỉnh đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp kí kết hợp đồng mua bán, giao dịch về: copyright, Patent, Licence... với các đối tác trong và ngoài nước.

(iii)- Về hoạt động nghiên cứu - triển khai (R&D): Theo kết quả điều tra, *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN*

hiện nay ở Hòa Bình chỉ có khoảng 1% doanh nghiệp có hoạt động R&D một cách bài bản như: doanh nghiệp tư nhân Thành Chung đầu tư 100 triệu cử 3 cán bộ thực hiện đề tài nghiên cứu cho doanh nghiệp mình. Cũng như vậy Công ty cổ phần Cao su - Chất dẻo Đại Mỗ đầu tư 2,8 tỉ đồng để thực hiện 1 dự án của công ty trong 3 năm, còn lại các doanh nghiệp khác chỉ thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ như những mô hình: trồng, chế biến chè Kim Tuyên ở xóm Tra Đáy (Pà Cò - Mai Châu). Mô hình dùng phân vi sinh, tưới tiết kiệm nước, sử dụng giống cam mới V2 ở Công ty rau - quả Cao Phong. Mô hình bếp đun củ cải tiết kiệm củi ở Đà Bắc... Những mô hình đổi mới công nghệ này đều phải có sự hỗ trợ kinh phí ngân sách từ Sở Công thương hay Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong 5 năm 2010-2014, Sở Khoa học và Công nghệ Hòa Bình đã thực hiện 122 đề tài nghiên cứu khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó có nhiều đề tài thuộc về hoạt động R&D phục vụ cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Về xã hội - nhân văn có các đề tài R&D:

+ Đổi mới chính sách khoa học công nghệ giai đoạn 2010-2015 bao gồm các đề xuất: Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực - Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ - Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển khoa học - công nghệ - Đổi mới chính sách tài chính và đa dạng nguồn đầu tư khoa học - công nghệ ở doanh nghiệp.

+ Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động thu hút đầu tư tại Hòa Bình. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sản phẩm của doanh nghiệp.

+ Giải pháp xây dựng mô hình hoạt động R&D, mô hình xã hội hóa dịch vụ, mô hình liên kết kinh tế.

+ Xây dựng mô hình du nhập nghề mới và nghề truyền thống, Trong đó có xây dựng cơ sở nghề gốm nghệ thuật ở xã Tân Vinh (Lương Sơn).

- Về điều tra cơ bản, công nghệ thông tin có các đề tài R&D:

- + Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xác lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.
- + Nghiên cứu các giải pháp phát triển thị trường công nghệ.
- Về nông lâm ngư nghiệp có các đề tài R&D:
 - + Chuyển giao công nghệ trồng và thâm canh chè Kim Tuyên ở xóm Tra Dáy (Pà Cò - Mai Châu).
 - + Chuyển giao công nghệ sản xuất cá Lăng chấm cho công ty nuôi trồng thủy sản.
 - + Xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước và sử dụng phân viên Cropwaz tại công ty cổ phần rau - quả Cao Phong.
- Về Công nghiệp - Xây dựng có các đề tài R&D:
 - + Điều tra, đánh giá nguyên liệu đá hoa văn phục vụ sản xuất hàng mỹ nghệ.
 - + Đánh giá chất lượng, trữ lượng, địa bàn phân bổ đá vôi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

(vi)- Về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ:

Áp dụng Luật sở hữu trí tuệ, một mặt tăng cường công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm đã được cấp giấy bảo hộ quyền sở hữu. Mặt khác hướng dẫn, giúp đỡ doanh nghiệp lập hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm độc quyền của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, đã đề xuất các sản phẩm cần ưu tiên phát triển trí tuệ gồm: 20 sản phẩm nông nghiệp, 05 sản phẩm truyền thống, 10 sản phẩm công nghiệp, 10 sản phẩm dịch vụ.

Các mặt hàng truyền thống của tỉnh như rượu cần, hàng Dệt thổ cẩm Mai Châu, Cam Cao Phong, quả Lặc Lày Lương Sơn, Hạt Dổi Lạc Sơn đã đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

Nói chung, Sở Khoa học và công nghệ đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận các vấn đề nghiên cứu - triển khai bằng kinh phí sự nghiệp khoa học trong khi hoạt động R&D của doanh nghiệp còn yếu vì thiếu kinh

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

phí. Việc áp dụng Luật Khoa học công nghệ và sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh đã có tác dụng thiết thực giúp cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ và đem lại hiệu quả tích cực.

3.2.6. Công tác quản lý nhà nước về KHCN trên một số lĩnh vực

- Công tác quản lý hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

Tập trung vào tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; phổ biến Luật Tiêu chuẩn - Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm. Đối tượng tuyên truyền là các cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức và người dân. Hình thức tuyên truyền thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo chuyên đề, qua các phương tiện thông tin đại chúng nhằm hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền phổ biến rộng rãi các văn bản pháp quy về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, các Tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế... Qua đó nhận thức về các quy định của nhà nước trong tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được nâng cao.

Quản lý đo lường thông qua các hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên đề, thanh tra liên ngành để đánh giá chất lượng một số hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý của ngành như: xăng dầu, hàng hóa điện điện tử, đồ chơi trẻ em, mũ bảo hiểm và một số hàng hóa thiết yếu khác...và đưa ra kiến nghị về các biện pháp quản lý nhằm ngăn chặn các hàng hóa kém chất lượng, hàng hóa có những độc tố, chỉ tiêu không đạt chất lượng gây ảnh hưởng đến sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng. Từ đó tiếp tục định hướng và cụ thể hóa các chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng thông qua việc rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh về công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn sau công bố để có biện pháp xử lý, kiến nghị xử lý nhất là hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Năm 2014, tỉnh Hòa Bình bắt đầu triển khai Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2012-2020 theo Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, đã thành lập và kiện toàn Ban Điều hành chương trình và giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, xây dựng quy chế hoạt động Ban Điều hành, xây dựng các tiểu Dự án thuộc Chương trình. Năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 phê duyệt kế hoạch thực hiện Dự án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa chủ lực trên địa bàn tỉnh Hòa Bình năm 2014. Hiện Dự án đang được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và dự kiến nghiệm thu vào cuối năm 2014.

Việc thực hiện triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh kế hoạch xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011-2013. Theo quyết định nói trên, đến nay đã có 46/46 đơn vị hành chính nhà nước xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng này đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, phù hợp với xu thế xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu cải cách hành chính của Chính phủ.

- Hoạt động quản lý công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân:

Hoạt động quản lý công nghệ được triển khai thực hiện bao gồm các hoạt động tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện chuyển giao, đổi mới công nghệ. Tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư, thẩm tra đánh giá thiết bị công nghệ và chuyển giao công nghệ của các dự án đầu tư vào tỉnh. Đã tổ chức kiểm tra đánh giá đối với trên 50 lượt doanh nghiệp, đơn vị trên địa

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

bàn toàn tỉnh. Thông qua các hoạt động đánh giá, kiểm tra cho thấy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều có các hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị, đặc biệt là trong lĩnh vực xử lý ô nhiễm môi trường.

Hoạt động quản lý công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân bao gồm các hoạt động thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép, xin gia hạn cấp phép sử dụng thiết bị bức xạ, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. Phối hợp thực hiện công tác thanh tra định kỳ về việc chấp hành các quy định về lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân trên địa bàn toàn tỉnh. Kết quả hoạt động này thời gian qua trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã có nhiều kết quả tích cực. Năng lực về quản lý an toàn bức xạ được nâng cao rõ rệt. Việc cấp phép sử dụng thiết bị cho các cơ sở X quang y tế đã đi vào nề nếp, ổn định, hầu hết các cơ sở bức xạ trên địa bàn tỉnh đã được sở thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép. Giai đoạn 2011-2015 đã cấp 25 giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 26 chứng chỉ nhân viên bức xạ trên tổng số 28 cơ sở X quang y tế trong toàn tỉnh.

Tại bảng 04 dưới đây là danh sách các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ trên địa bàn tỉnh.

**Bảng 3.4. Danh sách các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ
1	Bệnh viện đa khoa huyện Lạc Thủy	<i>TT.Chi Nê - huyện Lạc Thủy</i>
2	Phòng khám ĐKTN Hà Bình	<i>Khu 9 - TT.Chi Nê - huyện Lạc Thủy</i>
3	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	<i>Đường Trần Hưng Đạo - TP.Hòa Bình</i>
4	Trung tâm Phòng, chống bệnh xã hội tỉnh	<i>Tổ 12 - Phường Hữu Nghị - TP.Hòa Bình</i>
5	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	<i>Phường Đồng Tiến - TP.Hòa Bình</i>
6	Bệnh viện đa khoa huyện Lương Sơn	<i>Tiểu khu 12 - TT.Lương Sơn - huyện Lương Sơn</i>
7	Phòng khám đa khoa SEPENTRUNG Tây Bắc	<i>Số 384-386, đường Trần Hưng Đạo - TP.Hòa Bình</i>

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ
8	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình	<i>Phường Đồng Tiến - TP. Hoà Bình</i>
9	Phòng khám ĐKTN Tuân Khương	<i>Thôn Quyết Tiến - xã Thanh Nông - huyện Lạc Thủy</i>
10	Bệnh viện đa khoa huyện Kỳ Sơn	<i>Xóm Mỏ - xã Dân Hạ - huyện Kỳ Sơn</i>
11	Bệnh viện đa khoa huyện Đà Bắc	<i>Tiểu khu Bờ - TT.Đà Bắc - huyện Đà Bắc</i>
12	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thủy	<i>Khu 8 - TT.Hàng Trạm - huyện Yên Thủy</i>
13	Phòng khám ĐKTN Hoàng Long	<i>Số 482 - đường Cù Chính Lan - Phường Đồng Tiến - TP. Hoà Bình</i>
14	Bệnh viện đa khoa huyện Tân Lạc	<i>Xóm Định - xã Mãn Đức - huyện Tân Lạc</i>
15	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Bôi	<i>Xóm Sào - xã Hạ Bì - huyện Kim Bôi</i>
16	Phòng khám ĐKTN Hoà Bình	<i>Số nhà 15 - tổ 17 - phường Đồng Tiến - TP. Hoà Bình</i>
17	Phòng khám ĐK Nhân Đức	<i>Số 33 - tổ 17 - phường Đồng Tiến - TP. Hoà Bình</i>
18	Phòng khám ĐK Hà Nội I	<i>Số nhà 8 - tổ 2 - đường Chi Lăng - phường Đồng Tiến - TP. Hoà Bình</i>
19	Bệnh viện đa khoa huyện Lạc Sơn	<i>Phố Lốc - xã Liên Vũ - huyện Lạc Sơn</i>
20	Bệnh viện ĐK khu vực Mai Châu	<i>Tiểu khu 4 - TT.Mai Châu - huyện Mai Châu</i>
21	Bệnh viện đa khoa thành phố Hoà Bình	<i>Số 66 - đường Điện Biên Phủ - phường Phương Lâm- TP. Hoà Bình</i>
22	Phòng khám tư nhân huyện Yên Thủy	<i>Khu 6 - TT.Hàng Trạm - huyện Yên Thủy</i>
23	Phòng khám ĐK tư nhân 17A - Đồng Tiến	<i>Tổ 17 - phường Đồng Tiến - TP. Hoà Bình</i>
24	Bệnh viện đa khoa huyện Cao Phong	<i>TT.Cao Phong - huyện Cao Phong</i>
25	Phòng khám đa khoa Thiện Tâm	<i>P. Đồng Tiến - TP. Hoà Bình</i>
26	Phòng khám đa khoa Quân Hăng II	<i>Xã Trung Sơn - huyện Lương Sơn</i>
27	Phòng khám HN108-Kim Bôi	<i>Xã Hạ Bì - huyện Kim Bôi</i>
28	Phòng khám 16A-103	<i>Xã Hạ Bì - huyện Kim Bôi</i>
29	Phòng khám bệnh 103	<i>Xã Sào Báy – huyện Kim Bôi</i>

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ
30	Phòng khám Nội tổng hợp Chúc Dền	Tiểu khu 4, TT. Mai Châu, huyện Mai Châu
31	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội - Hòa Bình	Tổ 5, P. Tân Thịnh, TP. Hòa Bình
32	Công ty CP xi măng vinaconex Lương Sơn	TT. Lương Sơn - huyện Lương Sơn
33	Công ty CP xi măng X18	Xã Ngọc Lương - huyện Yên Thủy
34	Công ty TNHH Sankoh Việt Nam	Phường Hữu Nghị - TP. Hòa Bình
35	Công ty TNHH Doosung Tech Việt Nam	TT. Lương Sơn - huyện Lương Sơn
36	Kho nguồn của Liên đoàn vật lý địa chất	Số 1, ngõ 14. đường Phan Đình Giót, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình

Hoạt động phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ: Bao gồm các hoạt động tuyên truyền, theo dõi, giúp đỡ, thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện. Trong năm 2013 sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Cục phát triển thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ tổ chức thành công hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh. Qua đó giúp các doanh nghiệp trên địa bàn tiếp cận được với chủ trương, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi sang doanh nghiệp khoa học công nghệ. Kết quả bước đầu đã thành lập có một doanh nghiệp khoa học công nghệ vào năm 2014.

Bảng 3.5. Danh sách các Doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh

STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực KH&CN
1	Công ty Cổ phần Biopharm Hòa Bình	Nhân giống cây dược liệu bằng công nghệ Invitro (NCM)
2	Doanh nghiệp tư nhân Xây	Sản xuất chế biến sản phẩm cây

	dựng – Dịch vụ và Nông nghiệp Đại Thắng Lợi	dược liệu
--	---	-----------

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình

- Hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ

Hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ tập trung vào 2 nhiệm vụ trọng tâm là tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về lĩnh vực hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ; hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần ổn định thị trường, nâng cao chất lượng và giá trị thương mại cho sản phẩm địa phương, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hai nhiệm vụ này được thực hiện thông qua 5 hoạt động cụ thể bao gồm:

Tham mưu, xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp quy về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, sở hữu trí tuệ và sáng kiến nhằm tạo hành lang pháp lý để quản lý và định hướng hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, sở hữu trí tuệ và sáng kiến ở địa phương. Năm 2014 đã dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, sở hữu trí tuệ và sáng kiến bằng việc tổ chức nhiều lớp đào tạo, tập huấn, buổi hội nghị, hội thảo và nhiều chương trình truyền hình (phóng sự, tin vắn, tọa đàm...), cập nhật gần 3000 tin bài lên trang web hoabinh.tbvtvn.org.vn, tập san, trang web của Sở và bản tin nhanh hàng tháng có nội dung về các lĩnh vực nêu trên.

Tư vấn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập quyền sở hữu công nghiệp đã thực hiện hàng chục lượt tư vấn cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho tài sản trí tuệ của mình.

Rà soát, chọn lọc thông báo các văn bản có tính quy chuẩn kỹ thuật mới được các cơ quan thẩm quyền trong và ngoài nước ban hành, áp dụng đã thực hiện soát xét toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành từ năm 2006 đến hết năm 2013 và thực hiện dịch thuật tóm lược, thông báo đến các bên quan tâm hàng trăm thông báo có tính quy chuẩn kỹ thuật của các nước thành viên WTO.

Quản lý hoạt động của các tổ chức hoạt động về giám định sở hữu công nghiệp thông qua việc cấp và cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

Hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ trong thời gian qua trên thực tế đã đáp ứng về cơ bản yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ ở địa phương và có tác động trực tiếp, tích cực đối với nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp và cả các cơ quan nhà nước về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ. Kết quả thể hiện ở việc doanh nghiệp của tỉnh đã chủ động ứng phó với các hàng rào kỹ thuật trong thương mại tại các thị trường xuất khẩu nên trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn vừa qua không phát hiện trường hợp nào gặp khó khăn liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp hoặc các quan ngại thương mại khác trong khi xuất nhập khẩu hàng hóa. Bên cạnh đó, ngày càng nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tổ chức, cá nhân quan tâm hơn đến việc bảo hộ tài sản trí tuệ của mình, nhu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân ngày càng trở nên đa dạng hơn, không chỉ tập trung vào bảo hộ nhãn hiệu mà còn mở rộng sang các

đối tượng bảo hộ khác như nhãn hiệu tập thể, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý. Đặc biệt, nhiều sản phẩm nông sản, đặc sản, sản phẩm chủ lực của địa phương đã được hỗ trợ mạnh mẽ trong khi xác lập quyền bảo hộ sở hữu công nghiệp dưới các hình thức như nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý (như cam Cao Phong, mía tím Hòa Bình, rượu cần Hòa Bình, hạt dổi Lạc Sơn, quả lặc lây hữu cơ Lương Sơn, dệt thổ cẩm Mai Châu...). Kết quả này đã phản ánh được hiệu quả và tác động tích cực của hoạt động quản lý nhà nước về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao giá trị thương mại cho sản phẩm địa phương đồng thời đảm bảo công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được hoạt động trong môi trường cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội của tỉnh.

Theo Biểu 06 dưới đây cho thấy kết quả cấp chứng nhận bảo hộ hàng hóa, sản phẩm nổi bật của tỉnh Hòa Bình trong thời gian qua.

Bảng 3.6. Danh sách nhãn hiệu sản phẩm nổi bật được cấp chứng nhận bảo hộ trong thời gian qua

TT	Tên nhãn hiệu	Chủ sở hữu	Số bằng	Ghi chú
1	Chỉ dẫn địa lý Cao Phong cho sản phẩm Cam quả	UBND tỉnh Hòa Bình	00046	
2	Nhãn hiệu tập thể “Rượu cần đặc sản tỉnh Hòa Bình” cho sản phẩm rượu cần	Hội Sản xuất và kinh doanh rượu cần tỉnh Hòa Bình	173339	
3	Nhãn hiệu Tập thể “Mía	Hội Sản xuất và Tiêu	203079	

	tím Hòa Bình” cho sản phẩm Mía tím	thụ Mía tím Hòa Bình		
4	Nhãn hiệu Tập thể ”Thỏ cảm Mai Châu” cho sản phẩm dệt thổ cẩm	Hội nông dân huyện Mai Châu	203399	
5	Nhãn hiệu Tập thể ”Hạt dổi Lạc Sơn” cho sản phẩm hạt dổi	Hội nông dân huyện Lạc Sơn	237540	
6	Nhãn hiệu Tập thể ”Lương Sơn” cho sản phẩm quả lặc lày, rau hữu cơ	Hội nông dân huyện Lương Sơn	237538	

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình

- Công tác xây dựng tổ chức, thể chế và cải cách thủ tục hành chính:

Tổ chức bộ máy: Cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Khoa học và công nghệ gồm có 07 phòng chuyên môn, 03 đơn vị trực thuộc với 63 cán bộ công chức, viên chức và 09 hợp đồng theo Nghị định 68 của Chính phủ. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ 01 người; thạc sĩ 04 người; có 06 người đang đào tạo sau đại học; đại học, cao đẳng 48 người; trung cấp, cán bộ kỹ thuật 10 người. Trình độ lý luận chính trị cao cấp 06 người; Đảng viên 30 người. Hàng năm Sở đều lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức gửi Sở Nội vụ thẩm định và tổ chức thực hiện theo nội dung kế hoạch. Kết quả, trong giai đoạn 2011-2015 đã cử 57 lượt cán bộ, công chức, đi học lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước... Công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đáp ứng với yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện và được hưởng chế độ, chính sách theo đúng các quy định của Nhà nước và của tỉnh Hoà Bình. Việc bố trí công việc trong thời gian công chức đi học và sau khi học xong đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Xây dựng thể chế: Trong thời gian qua đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh như: Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc quy định hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Việc kịp thời tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa các văn bản của Trung ương đã góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng cường pháp chế trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ (các quy định về xét chọn, tuyển chọn đề tài, dự án) cũng như hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn.

Công tác cải cách thủ tục hành chính: đã giảm thiểu được 22 thủ tục hành chính/32 thủ tục hành chính (bao gồm một số thủ tục áp dụng thuộc phạm vi Bộ Khoa học và Công nghệ). Hiện còn 10 thủ tục được triển khai thực hiện và đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công bố ban hành năm 2012 theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ. Nhìn chung công tác cải cách hành chính của Sở đã được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực: Cải cách thể chế; tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Hoạt động quản lý khoa học công nghệ cấp huyện, thành phố:

Từ năm 2011, mô hình quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện, thành phố có nhiều thay đổi tích cực phù hợp điều kiện thực tế. Cùng với

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

việc kiện toàn lại Hội đồng khoa học công nghệ cấp huyện, thành phố, với chức năng và nhiệm vụ được giao, phòng kinh tế hạ tầng các huyện, phòng kinh tế thành phố luôn đảm bảo phân công một lãnh đạo phòng phụ trách trực tiếp, cùng một cán bộ chuyên trách về khoa học công nghệ.

Đã phối hợp tốt với Sở Khoa học và Công nghệ về công tác kiểm tra, thanh tra, sở hữu công nghiệp, qua đó tình trạng gian lận trong thương mại được hạn chế, quyền lợi của người tiêu dùng được đảm bảo.

- Hoạt động thông tin và thống kê khoa học và công nghệ:

Hoạt động thông tin và thống kê khoa học và công nghệ được quan tâm và đẩy mạnh. Công tác thông tin truyền thông lưu trữ kết quả khoa học công nghệ, thống kê khoa học và công nghệ, phát hành các bản tin nhanh hàng tháng, tập san hàng quý, làm phóng sự trên Đài truyền thanh, truyền hình, in ấn và phát hành Nông lịch...việc phổ biến về pháp luật, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học và công nghệ được phổ biến kịp thời theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Đã biên tập, in ấn và phát hành tổng cộng 5.250 cuốn Tập San Thông tin Khoa học và Công nghệ (40 trang / cuốn, xuất bản định kỳ 01 số / quý); 18.000 cuốn Bản tin Thông tin Kinh tế Khoa học và Công nghệ với 28 trang /số; 12 số/năm; 12.000 cuốn Nông lịch Hòa Bình (4.000 cuốn/năm) được gửi tới lãnh đạo tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh bạn, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hòa Bình sản xuất 04 phóng sự về ứng dụng, chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Các hoạt động tuyên truyền về khoa học và công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng được đẩy mạnh. Chú trọng các nội dung tuyên truyền, phổ cập trên cả ba mặt nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao; quảng bá, giới thiệu những tiến bộ khoa học công nghệ mới, những mô hình ứng dụng tiến

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

bộ trong sản xuất và đời sống có hiệu quả phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các phong trào phát huy sáng kiến, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và đời sống cũng được tổ chức thường xuyên, từ đó tạo ra sự chuyển biến thực chất hơn trong nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ. Qua đó tuyên truyền kiến thức và khuyến khích mọi đối tượng trong xã hội thực thi pháp luật về khoa học công nghệ một cách hiệu quả, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.

Năm 2014, tỉnh Hòa Bình tiếp tục triển khai Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015. Dự án Văn phòng điện tử các cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011-2015 cũng sẽ hoàn thành đúng tiến độ vào năm 2015. Theo đó dần hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin từ cấp Tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn. Qua đó việc tiếp cận với khoa học công nghệ của các nhà quản lý, doanh nghiệp, bà con nông dân được đẩy mạnh, góp phần đưa ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào cuộc sống.

- Hoạt động thanh tra khoa học và công nghệ

Công tác thanh tra chuyên ngành đã tập trung vào những vấn đề bức xúc mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm như: Xăng dầu; khí dầu mỏ hóa lỏng (Gas); tãcximet; an toàn bức xạ; sản phẩm điện – điện tử và mặt hàng đồ chơi trẻ em; qua thanh tra 638 lượt cơ sở, đã phát hiện 81 cơ sở vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 373,0 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước, đặc biệt đã phát hiện và xử lý 06 cửa hàng kinh doanh xăng dầu bán xăng, dầu không đạt yêu cầu về chất lượng, 03 cửa hàng kinh doanh xăng dầu có hành vi gian lận về khối lượng xăng dầu, tất cả các hành vi vi phạm trên đã được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Hoạt động thanh tra đã đạt được mục tiêu tăng cường sự quản lý của nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ trên phạm vi quản lý nhà nước của sở. Các cuộc thanh tra bảo đảm đúng quy trình, trình tự, thủ tục; đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không gây cản trở hoạt động bình thường của các cơ sở là đối tượng thanh tra. Bảo đảm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

Qua hoạt động thanh tra, đánh giá được thực trạng việc tuân thủ pháp luật về khoa học và công nghệ trên địa bàn, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra các biện pháp khắc phục, hoàn thiện công tác quản lý nhằm làm cho pháp luật thực thi nghiêm túc và có hiệu quả. Các kết luận thanh tra và xử lý về thanh tra đảm bảo tính chặt chẽ, linh hoạt, tuân theo pháp luật và có tính thuyết phục cao. Các đối tượng thanh tra đều chấp hành nghiêm túc các kết luận thanh tra, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, kiến nghị và quyết định xử lý về thanh tra, không để xảy ra tồn đọng các kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra và không có khiếu nại, tố cáo sau thanh tra.

3.3. Đánh giá công tác quản lý hoạt động KHCN giai đoạn 2010-2014

3.3.1. Ưu điểm đạt được

Giai đoạn 2010-2014 thực hiện cơ chế đổi mới chính sách phát triển Khoa học và công nghệ, các hoạt động Khoa học và Công nghệ của tỉnh Hòa Bình đã bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực có lợi thế góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, làm tăng tỉ trọng sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỉ trọng lâm nghiệp, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất, cụ thể là:

Một là, các đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện có hiệu quả trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, y tế, giáo dục, theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, bám sát vào nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, tập

trung vào phục vụ sản xuất đời sống, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Nhiều đề tài nghiên cứu được ứng dụng thành công, trong đó các đề tài tập trung cho lĩnh vực khoa học nông nghiệp chiếm 40%. Qua nghiên cứu đã lựa chọn được các giống cây trồng, vật nuôi đặc trưng của tỉnh có năng suất, chất lượng cao, như các giống lúa, ngô chịu hạn, chịu lạnh; lựa chọn được các giống cam CS1, cam canh, cam xã Đoài, cam V2...thu hoạch giải vụ từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tưới của I-xra-en, kỹ thuật canh tác hiện đại; đồng thời tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao như cam trồng tại Cao Phong và mở rộng diện tích trồng cam ở các huyện Lạc Thủy, Kim Bôi; hạt dổi Lạc Sơn, quýt Nam Sơn, bưởi đỏ huyện Tân Lạc, quả nặc lầy huyện Lương Sơn, mía tím Hòa Bình. Nghiên cứu thành công việc nuôi cá tầm trên lòng hồ, để nhân tạo cá bống, cá trắm đen...Việc nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng đều có sự liên kết 4 nhà: nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông. Các đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa-xã hội đã đem lại hiệu quả thiết thực phục vụ đời sống nhân dân, bảo tồn và phát huy những nét văn hóa của các dân tộc; nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát đối với đảng viên; nâng cao chất lượng, năng lực giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp; nghiên cứu đề xuất các giải pháp thu hút, sử dụng nhân lực có trình độ cao vào tỉnh; nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực y tế để nâng cao sức khỏe nhân dân...

Hai là, hoạt động sở hữu trí tuệ được quan tâm trong việc xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản địa phương, góp phần đẩy mạnh thương mại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm đặc sản của tỉnh như xây dựng nhãn hiệu tập thể rượu cần Hòa Bình, mía tím Hòa Bình, dẹt thổ cẩm Mai Châu, hạt dổi Lạc Sơn, quả lặc lầy và rau hữu cơ Lương Sơn, đặc biệt là việc xây dựng thành công Chỉ dẫn địa lý Cao Phong cho sản phẩm cam của huyện Cao Phong đã mang lại ý nghĩa cả về kinh tế và chính trị. Sau khi cam Cao phong được cấp Chỉ dẫn địa lý, đã thúc đẩy việc

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

tiêu thụ sản phẩm rất nhanh, giá cả của quả cam đã nâng lên rõ rệt thậm trí gần gấp đôi, làm cho nhiều hộ nông dân trở thành tỉ phú, thúc đẩy tỉnh mở rộng quy hoạch vùng sản xuất cam, đưa diện tích trồng cam của tỉnh Hòa Bình từ 1.200 ha lên hơn 2000 ha và điều chỉnh diện tích quy hoạch trồng cam toàn tỉnh lên trên 5.000 ha.

Ba là, hỗ trợ doanh nghiệp được đẩy mạnh. Tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư; ươm tạo và phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ với việc thành lập được doanh nghiệp khoa học công nghệ đầu tiên là Công ty cổ phần Biopharm Hòa Bình. Triển khai thực hiện chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh bước đầu đem lại hiệu quả, tỉ lệ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp đã tăng dần qua các năm, tỉ lệ sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị sản phẩm công nghiệp toàn tỉnh đã tăng lên rõ rệt. Công tác quản lý và hoạt động an toàn bức xạ đối với các cơ sở sử dụng thiết bị an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh cũng được triển khai hoạt động có hiệu quả.

Bốn là, hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước trong việc quản lý, giám sát, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, an toàn vệ sinh thực phẩm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Việc triển khai và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước của tỉnh Hòa Bình đã góp phần giảm thời gian đi lại cho doanh nghiệp và người dân, góp phần giảm chi phí sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước. Đến nay toàn tỉnh đã có 46 cơ quan, đơn vị áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động. Nhiều doanh nghiệp đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2007

Năm là, hoạt động thông tin, truyền thông về khoa học và công nghệ đã

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

góp nhân đưa nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ tới các huyện, xã và người dân được thực hiện kịp thời, nhanh chóng góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ. Đã duy trì xây dựng bản tin khoa học và công nghệ hàng tháng, xuất bản tập san khoa học và công nghệ hàng quý và 4000 cuốn nông lịch hàng năm gửi tới tận xã để phục vụ kịp thời bà con nông dân trong việc áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

Sáu là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khoa học-công nghệ đặc biệt là tiềm lực cho Trung tâm ứng dụng, Chi cục tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ đã hoàn thành giai đoạn 1 gồm các hạng mục: xây dựng nhà nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ Khoa học công nghệ, bao gồm phòng nuôi cấy mô công nghệ cao, nhà lưới công nghệ, thiết bị phòng thí nghiệm và đào tạo cán bộ vận hành máy móc thiết bị.

Hiện nay Trung tâm đã triển khai thực hiện tốt công việc nghiên cứu và ứng dụng, đó là ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng phong lan, chuỗi tiêu hồng, giống mía tím, khoai sọ, rau các loại theo phương pháp nuôi cấy mô; ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu như đông trùng hạ thảo, linh chi, mộc nhĩ... bước đầu đem lại hiệu quả, đồng thời triển khai thí điểm thành công mô hình nuôi cá tầm trên lòng hồ. Nhà máy phân hữu cơ vi sinh được đầu tư trên diện tích 5 ha với công suất 20.000 tấn/năm phục vụ kịp thời nhu cầu bà con nông dân. Hoạt động phân tích, kiểm nghiệm tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ khoa học công nghệ được quan tâm đầu tư về trang thiết bị, con người đã góp phần hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Bảy là tổ chức bộ máy đã được củng cố, số lượng cán bộ CC, VC làm việc trong Sở Khoa học và công nghệ đã nâng lên cả số lượng và chất lượng. *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN*

Số lượng cán bộ công chức, người lao động từ 60 người vào năm 2008 nay tăng lên 96 người, trong đó có 1 Tiến sỹ, 11 Thạc sỹ, còn lại là cán bộ có trình độ Đại học.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Những hạn chế

- Công tác tham mưu, đề xuất các chính sách của các cấp, ngành nhằm cụ thể hóa các định hướng, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ hoạt động khoa học công nghệ vào kế hoạch hoạt động hàng năm còn chưa đầy đủ và kịp thời dẫn đến quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ chưa đổi mới kịp với yêu cầu thực tế.

- Một số xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ của các ngành có hàm lượng khoa học chưa cao, chưa thực sự sát với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, còn trùng với chức năng nhiệm vụ của ngành. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Nhận thức và sự quan tâm của cộng đồng và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế; đặc biệt là đối với các vấn đề về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ còn chưa cao và chưa đồng đều. Hoạt động đầu tư, nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp còn hạn chế và chậm, điều này làm giảm vai trò của khoa học công nghệ với nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp. Số doanh nghiệp khoa học công nghệ còn ít (đến năm 2014 mới có 01 doanh nghiệp khoa học công nghệ được thành lập).

- Luật Khoa học và Công nghệ đã được Quốc hội thông qua và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 với nhiều nội dung thay đổi phù hợp với điều kiện thực tiễn của hoạt động khoa học và công nghệ trên cả nước. Tuy

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương còn chậm và chưa thực sự phát huy hiệu quả.

- Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh còn thiếu và yếu. Chưa có nhiều chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ. Bộ máy làm công tác khoa học và công nghệ cấp cơ sở thiếu ổn định. Hội đồng Khoa học và công nghệ cấp cơ sở hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập còn chậm và gặp nhiều khó khăn, bất cập.

- Đặc biệt là chính sách tài chính trong các năm qua còn tạo ra nhiều cản trở, khó khăn cho hoạt động KHCN.

3.3.2.2. Nguyên nhân hạn chế

- Chưa có cơ chế cụ thể nhằm điều phối hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Việc phân công, phân cấp về quyền hạn và trách nhiệm giữa Trung ương với địa phương, giữa các ban, ngành trong tỉnh còn chưa rõ ràng. Việc quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ làm công tác khoa học công nghệ cấp cơ sở còn chưa được quan tâm đúng mức.

- Hội đồng hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ cấp cơ sở còn chưa thực sự phát huy hiệu quả. Năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ của các cấp ngành, đơn vị, tổ chức trong tỉnh còn hạn chế. Các điều kiện phục vụ cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao còn đang trong giai đoạn đầu tư. Năng lực tài chính của các doanh nghiệp còn hạn chế.

- Quy mô doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tài chính còn hạn chế. Các doanh nghiệp còn chưa gắn lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm và quyền lợi về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và sở hữu trí tuệ, chưa ý thức tốt vai trò của việc đầu tư đổi mới công nghệ và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng

tiên tiến trong nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Việc ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt là Nghị định hướng dẫn về cơ chế đầu tư, tài chính cho hoạt động khoa học công nghệ chưa được ban hành đã ảnh hưởng rất nhiều đến mục tiêu đổi mới cơ chế tài chính nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Chưa có chính sách thu hút cán bộ khoa học công nghệ có trình độ cao (chuyên gia, tiến sỹ, giáo sư). Chưa xây dựng được các chế độ đãi ngộ xứng đáng cho đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp công lập để chuyển đổi theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ còn chưa kịp thời. Cơ chế chính sách về hoạt động, cơ chế tài chính còn thiếu và chưa đồng bộ (vốn, chính sách thuế, khấu hao tài sản...). Từ đó ảnh hưởng đến khả năng tự cân đối thu chi hoạt động tài chính của đơn vị sau chuyển đổi.

3.3.3. Bài học kinh nghiệm

- Những đề tài nghiên cứu ứng dụng được gắn với sản xuất và đời sống nên có độ bền vững. Sự lựa chọn những đề tài nghiên cứu ưu tiên đã cho thấy sự phát triển đúng hướng của KHCN ở Hòa Bình.

- Sự tham gia đề tài nghiên cứu, Hội đồng thẩm định, hội đồng nghiệm thu, hội đồng khoa học, các cuộc hội nghị, hội thảo... của các chuyên gia trong và ngoài ngành, trong và ngoài tỉnh đã mang lại cho các hoạt động KHCN thêm luồng sinh khí mới.

- Từng bước xã hội hóa đầu tư cho hoạt động khoa học. Việc thực hiện xã hội hóa KHCN càng quan trọng hơn bao giờ hết không chỉ vì cần tăng cường nguồn kinh phí đầu tư mà còn vì thực hiện được như vậy KHCN càng nhanh chóng đi vào sản xuất trên đồng ruộng và trong doanh nghiệp

- Để đảm bảo KHCN phát triển bền vững, cần:

(i) KHCN phải bắt nguồn và giải quyết những yêu cầu của sản xuất và đời sống đặt ra.

(ii) Phải đẩy mạnh công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.

(iii) Phải vươn lên từ nội lực của ngành KHCN. Mỗi cán bộ của ngành phải có “3T” (có trí - có tâm – có tầm).

(iv) Phải tăng cường hạ tầng cơ sở và cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành để có điều kiện nghiên cứu áp dụng KH-CN mới hiện đại, phức tạp nhằm làm cho ngành khoa học của tỉnh ta phát triển xứng tầm với nhiệm vụ được giao và ngang tầm với các tỉnh bạn trong cả nước.

(v) Thực hiện xã hội hóa KHCN trước hết khuyến khích tham gia hoạt động KH-CN của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất nông nghiệp tiên tiến, các hợp tác xã tiêu thủ công nghiệp...

- Đổi mới về tư duy, quan điểm. Cần phải chuyển biến tư duy KHCN là nhìn nhận lại sứ mệnh, vai trò tích cực của KHCN đối với sự phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh của nền kinh tế đang chuyển đổi theo hướng mở rộng thị trường và hội nhập. Từ đó xác định quan điểm đổi mới mang tính đột phá coi đổi mới công nghệ là trọng tâm của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó doanh nghiệp là chủ thể là tâm điểm thực hiện đổi mới, chuyển trọng tâm hoạt động KHCN về khu vực doanh nghiệp, khu vực sản xuất, khu vực dịch vụ. Chính sách đầu tư cho KHCN cũng theo hướng đó để thực hiện nhằm mang lại kết quả và hiệu quả cao.

- Đổi mới chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực KHCN. Nhanh chóng xây dựng qui hoạch cán bộ KHCN đồng bộ trong các lĩnh vực tương thích với các loại hình cán bộ. Nghiên cứu cơ chế khuyến khích các tổ chức sử dụng cán bộ khoa học tham gia quá trình đào tạo và đánh giá chất lượng cán bộ. Có chính sách để thu hút các nhà khoa học, các chuyên gia tham gia nghiên cứu giảng dạy chỉ dẫn cố vấn cho các hoạt động KHCN hoặc trực tiếp

tham gia các hoạt động đó.

- Đổi mới cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển thị trường KHCN. Thực hiện chủ trương KHCN đi cùng với doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là trọng tâm và đối tác để hợp tác. Vì vậy cần xác định các mặt hàng chiến lược nêu trên và các bước đổi mới công nghệ đối với khu vực công nghiệp của tỉnh nhằm vượt qua những thách thức để hội nhập thành công với nền kinh tế chung của cả nước. Đổi mới và phát triển công nghệ cũng cần triển khai ở khu vực nông nghiệp, nông thôn vì nơi đó còn gặp rất nhiều khó khăn cần được tiếp thu công nghệ mới cho việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tích lũy ban đầu cho nền kinh tế của tỉnh.

- Nền tảng mức đầu tư ngân sách cho hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 chiếm 1,0 - 1,5 %, giai đoạn 2010-2014 chiếm 0,22 % so với tổng chi ngân sách của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các Hội đồng xác định, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN: nghiên cứu hình thành cơ sở dữ liệu về chuyên gia để lưu trữ thông tin về chuyên gia KHCN, liên kết với các CSDL chuyên gia ở trong nước để cung cấp nguồn chuyên gia cho các Hội đồng.

- Nâng cao chất lượng quá trình giám sát thực hiện. Xây dựng hệ thống giám sát minh bạch và rõ ràng. Hệ thống này giúp các nhà quản lý và các cấp lãnh đạo nắm bắt thông tin một cách có hệ thống từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh kịp thời.

- Nghiên cứu xây dựng và điều chỉnh một số cơ chế chính sách đặc thù phục vụ nhu cầu phát triển của tỉnh, ví dụ: chính sách thu hút cán bộ khoa học trẻ, có năng lực; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp chú trọng vào đổi mới công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh; khuyến khích sự liên kết hợp tác giữa khối nghiên cứu, doanh nghiệp và các hộ nông dân; điều chỉnh cơ chế về tài chính, cơ chế đánh giá, nghiệm thu đề tài ... theo hướng đơn giản và gắn với hiệu quả.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, bám sát hơn các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các đề tài, dự án được bố trí tập trung hơn, khắc phục một bước tình trạng phân tán, dàn trải, cân đối hơn giữa khoa học tự nhiên và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn. Cơ chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nguyên tắc cạnh tranh, dân chủ, bình đẳng và công khai bước đầu được áp dụng, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỔI MỚI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÒA BÌNH

4.1. Quan điểm, mục tiêu

4.1.1. Quan điểm

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động; công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn và dài hạn về phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí xã hội, nguồn nhân lực KHCCNM của đất nước, đưa hoạt động KHCCN thật sự trở thành quốc sách hàng đầu, là động lực cho tăng trưởng và phát triển bền vững.

4.1.2. Mục tiêu

4.1.2.1 Mục tiêu tổng quát

Xây dựng được luận cứ khoa học cho việc đưa ra các giải pháp “đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ” nhằm phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, tăng cường đầu tư nguồn lực cho hoạt động khoa học và công nghệ để khoa học và công nghệ thực sự là động lực trực tiếp phát triển kinh tế-xã hội.

Phát triển KHCCN nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

4.1.2.2 Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện đổi mới

cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện cơ chế xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cơ chế đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ dựa trên tiêu chuẩn chất lượng khoa học và hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; hoàn thành việc thí điểm và tổng kết rút kinh nghiệm để nhân rộng việc chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

- Phân đầu đạt tỷ lệ 50/50 giữa kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước trên cơ sở áp dụng các biện pháp hữu hiệu đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; đổi mới cơ bản cơ chế tài chính tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

- Hoàn thành cơ bản các thể chế hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy mua bán, chuyển giao và đổi mới công nghệ.

- Thực hiện các chính sách trọng dụng, tôn vinh nhân tài trong hoạt động khoa học và công nghệ.

- Phân đầu trong giai đoạn 2015-2020, hàng năm thành lập từ 2 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trở lên. Đến năm 2020 cơ bản hình thành được mạng lưới doanh nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Đến năm 2020, cơ bản hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn.

4.2. Giải pháp chủ yếu đổi mới quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

4.2.1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của KHCN*

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của các cấp các
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

ngành, các doanh nghiệp và người dân về vai trò của Khoa học và công nghệ. Xác định nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ vào tất cả các lĩnh vực là nền tảng và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phổ biến đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả 8 Luật liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ như: Luật Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2013, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005(sửa đổi bổ sung năm 2009), Luật Chuyển giao công nghệ(2006), Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (2006), Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa (2007), Luật Năng lượng nguyên tử (2008), Luật Công nghệ cao (2008), Luật Đo lường (2011) và các quy định của tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ Khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Gắn các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, của từng cấp, từng ngành; xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương.

- Thường xuyên tuyên truyền, cung cấp thông tin về vai trò nền tảng, động lực và là lực lượng sản xuất trực tiếp của khoa học và công nghệ đối

với phát triển kinh tế-xã hội, để lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp nhận thức được cơ hội và thách thức của hội nhập quốc tế trong thời đại nền kinh tế tri thức.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các kết quả nghiên cứu thông qua Website, báo, đài, tập san, nông lịch của Sở để chuyển tải các kết quả nghiên cứu khoa học tới các cơ sở, doanh nghiệp và người dân ứng dụng một cách kịp thời khoa học, công nghệ vào sản xuất, đời sống.

4.2.2. Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ

- **Về tổ chức bộ máy:** Cần hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KHCN từ tỉnh đến huyện. Tại cấp huyện, cần thành lập phòng quản lý KHCN có từ 2 đến 3 chuyên viên tùy tình hình cụ thể của từng địa phương hiện nay chỉ có một cán bộ phụ trách ở Phòng Kinh tế hạ tầng không đáp ứng yêu cầu của việc tăng cường ứng dụng các tiến bộ Khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Công tác quản lý đòi hỏi phải là những người vừa có trình độ học vấn, vừa có kinh nghiệm trong công tác quản lý, có khả năng tổng hợp, chủ động tham mưu đề xuất và xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN.

Đổi mới hệ thống quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tinh giản, tập trung cho xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách; tăng cường năng lực điều phối liên ngành, liên vùng, giảm bớt chức năng tác nghiệp cụ thể.

Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả quản lý KHCN của các huyện, sở ngành theo hướng xác định rõ nội dung, trách nhiệm và thẩm quyền quản lý; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách khoa học và công nghệ; hiện đại hóa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ quản lý.

- Về cơ chế quản lý hoạt động Khoa học và công nghệ:

Cần có quy định, người phụ trách KHCN ở cấp địa phương phải là công chức nhà nước, được đãi ngộ thích đáng và gắn trách nhiệm, có thưởng phạt cụ thể, rõ ràng. Người đứng đầu địa phương (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chỉ

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

đạo công tác quản lý KHCN), cần phải có chính sách phụ cấp thích hợp và được tạo điều kiện để nắm bắt thông tin, nâng cao khả năng chỉ đạo và định hướng KHCN trên địa bàn.

Phân cấp quản lý hoạt động KHCN đến huyện, cụm xã, xã đối với một số nhiệm vụ mang tính địa phương hóa. Địa phương phải chủ động đề xuất những nhiệm vụ KHCN mang tính cấp bách nhưng phải phục vụ mục tiêu phát triển lâu dài, toàn diện. Cơ quan quản lý KHCN cấp trên có nhiệm vụ thẩm định, trên cơ sở đó, giao nhiệm vụ cụ thể (nội dung lẫn kinh phí) cho địa phương chủ động triển khai, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động. Gắn trách nhiệm này cho từng cá nhân cụ thể và có cơ chế thưởng phạt rõ ràng. Hàng năm, cơ quan quản lý KHCN cấp trên phân bổ kinh phí dành cho cấp huyện, tuy nhiên, khi chưa chủ động đề xuất nhiệm vụ KHCN thì cấp huyện không thể có được nguồn kinh phí này. Đồng thời, phải có hệ thống giám sát khi thực hiện, có tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm.

Tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong các hoạt động tư vấn, phản biện xã hội, vai trò xung kích của đoàn thanh niên, các tổ chức và cá nhân trong phong trào thi đua sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ. Thực hiện triệt để cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập về nhân lực, kinh phí hoạt động dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động. Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực. Thí điểm thực hiện cơ chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

công nghệ, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả. Tạo điều kiện để các tổ chức khoa học và công nghệ được vay vốn từ các quỹ dành cho khoa học và công nghệ hoặc các tổ chức tín dụng.

Cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải xuất phát từ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, của ngành ở mỗi thời kỳ.

Phân công, phân cấp rõ ràng trong xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu mang tính ứng dụng, phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sở Khoa học và Công nghệ giúp Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương.

Các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà nước, tự chủ trong việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức mình.

Tăng cường sự điều phối của UBND tỉnh, Hội đồng khoa học tỉnh trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tránh sự chồng chéo và trùng lặp. Sở Khoa học và Công nghệ giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc điều phối này.

Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Xác định rõ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên ở cấp tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức việc trao đổi giữa các cơ quan hoạch định chính sách để xác định các nhiệm vụ ưu tiên.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang tính ứng dụng, xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm, thực hiện cơ chế liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở áp dụng kết quả nghiên cứu trong toàn bộ quá trình từ xác định nhiệm vụ, tổ

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

chức thực hiện, đánh giá và đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. Áp dụng rộng rãi phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cơ chế cạnh tranh, công khai, dân chủ. Việc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng. Hoàn thiện quy chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đổi mới căn bản công tác đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu: đối với nghiên cứu cơ bản phải đánh giá bằng chất lượng khoa học phù hợp với chuẩn mực hiện hành; đối với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội của việc ứng dụng trong thực tiễn làm tiêu chuẩn chủ yếu.

Hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.

Đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng và bảo đảm thực hiện cơ chế đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ áp dụng vào thực tiễn. Tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thực hiện các quy định về lưu giữ, bảo mật, phổ biến và sử dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có trách nhiệm đầu tư cho nghiên cứu và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

ng nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đổi mới công nghệ.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh:

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Căn cứ Luật Khoa học công nghệ đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014. Sở Khoa học và Công nghệ Hòa Bình tiếp tục triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Triển khai thực hiện tốt 09 chương trình khoa học công nghệ, trong đó đặc biệt chú trọng 06 chương trình, cụ thể: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; Chương trình nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2012-2020; Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ; Chương trình phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ công lập; Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; Đề án nâng cao năng lực năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từ tỉnh đến cơ sở. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, các tổ chức chính trị - xã hội trong các hoạt động tư vấn, phản biện xã hội.

Tiếp tục đổi mới công tác xây dựng và triển khai kế hoạch khoa học và công nghệ. Hoàn thiện cơ chế quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, xét chọn, đánh giá, nghiệm *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN*

thu đề tài, dự án khoa học và công nghệ. Làm tốt nhiệm vụ giúp thường trực Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh trong quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện hằng năm (từ khâu tuyển chọn, thẩm định thuyết minh, kiểm tra tiến độ đến nghiệm thu, thanh, quyết toán kinh phí).

Phổ biến, hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về các hoạt động chuyển giao công nghệ, hoạt động đánh giá, giám định công nghệ, hoạt động dịch vụ, tư vấn về chuyển giao công nghệ. nâng cao chất lượng thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, kiểm tra định kỳ về hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kiểm tra các cơ sở bức xạ thực hiện việc cấp phép hoạt động của các cơ sở bức xạ.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Hoạt động kiểm định phương tiện đo và hoạt động thử nghiệm.

Triển khai thực thi luật Sở hữu trí tuệ. Hướng dẫn các đơn vị doanh nghiệp, cá nhân đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Tuyên truyền pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao hiểu biết trong cộng đồng đặc biệt là các doanh nghiệp và các cơ quan thực thi pháp luật có liên quan. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động Hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi và phục vụ kịp thời cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân khi có yêu cầu. Tiếp tục triển khai xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc sản Hòa Bình và một số thương hiệu khác.

Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Phối hợp Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh tổ chức tốt Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức các đợt thanh tra chuyên đề về: thực hiện chính sách pháp luật trong thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ; an toàn và kiểm soát bức xạ hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hoá của các tổ chức, cá nhân

sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh công tác tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ, công tác thông tin, tuyên truyền về khoa học và công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động thông suốt, an toàn. Thường xuyên cập nhật thông tin trên các hệ thống thông tin điện tử của ngành, tập trung đưa thông tin khoa học kỹ thuật tới vùng nông thôn. Phát hành số lượng bản tin khoa học và công nghệ theo quy định, bảo đảm chất lượng.

Phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện, phòng kinh tế thành phố trong công tác chuyên môn. Tăng cường hoạt động chuyển giao công nghệ khoa học kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; Đẩy mạnh hoạt động phối hợp thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước.

Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Phối hợp Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh tổ chức tốt Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc áp dụng và duy trì cải tiến của các cơ quan hành chính nhà nước áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, hỗ trợ khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp. Hỗ trợ thành lập và phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh. Coi đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu về hoạt động khoa học công nghệ trong giai đoạn 2016-2020. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình tiếp cận và ứng dụng công nghệ

mới, công nghệ hiện đại, công nghệ sạch. Từng bước thúc đẩy các doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tăng cường xuất khẩu trong quá trình hội nhập quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp xác lập, bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ công nghệ, trình diễn mua bán công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hóa khoa học và công nghệ bằng mô hình gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp. Hỗ trợ một số doanh nghiệp hình thành các đơn vị nghiên cứu và triển khai phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp thuộc một số lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh. Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng của khoa học và công nghệ. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học cho các cơ sở nghiên cứu và triển khai của Tỉnh theo hướng ưu tiên.

4.2.3. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước tới năm 2020 và tầm nhìn năm 2030.

Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, tâm huyết, trung thực, tận tụy, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và năng lực tốt, có cơ cấu phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Xây dựng và quản lý quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ; đề xuất các chính sách đào tạo, sử dụng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; đa dạng hóa các loại hình, cấp độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển nhân lực khoa học và công nghệ.

Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động

sáng tạo của mình. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các ngành, các cấp.

Có chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ sinh viên sau khi tốt nghiệp Đại học, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia khoa học và công nghệ loại giỏi về làm việc tại tỉnh. Khuyến khích cán bộ tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ để tiếp thu và làm chủ các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới áp dụng vào sản xuất đời sống.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của tác giả các công trình khoa học và công nghệ; có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và sức khỏe làm việc ở những sở trường của họ.

Hoàn thiện hệ thống chức danh, chức vụ khoa học và công nghệ. Cải tiến hệ thống giải thưởng khoa học và công nghệ, danh hiệu vinh dự Nhà nước cho cán bộ khoa học và công nghệ có nhiều sáng kiến, phát minh phục vụ sản xuất và đời sống.

Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học.

4.2.4. *Đổi mới cơ chế đầu tư, tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ*

Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ và nhu cầu phát triển của địa phương, của ngành; bảo đảm đồng bộ, gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn với kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hằng năm.

Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí khoa học và

Sơ họa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

công nghệ của địa phương, của ngành khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; hình thành cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các hoạt động khoa học và công nghệ.

Có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực ưu tiên, doanh nghiệp mua công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước. Chấm dứt và ngăn chặn có hiệu quả việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khỏe con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Nâng tổng đầu tư xã hội cho hoạt động khoa học và công nghệ đạt 1,5% đến 2% GDP vào năm 2020. Tăng đầu tư của Nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách tỉnh hằng năm. Có cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ. Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.

Củng cố, tăng cường tiềm lực và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ. Tập trung đầu tư xây dựng một số đơn vị hoạt động khoa học và

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN

công nghệ đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Hình thành các vùng tập trung ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao thích hợp với tỉnh Hòa Bình, tập trung cho lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ tự động hoá và công nghệ vật liệu mới. Trước mắt, tập trung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khu nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao và ươm tạo công nghệ trong nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh, chú ý khai thác năng lực khoa học và công nghệ của các tổ chức, các trường của trung ương.

4.2.5. Triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu

4.2.5.1. Ưu tiên phát triển một số công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin và truyền thông ; Nghiên cứu và phát triển có trọng điểm các công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hóa, nano sinh học; ứng dụng có hiệu quả các công nghệ này vào một số lĩnh vực chủ yếu : nông, lâm, ngư nghiệp, y, dược, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm.

Phát triển công nghệ môi trường : xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải; ứng dụng công nghệ sản xuất sạch , công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất , kinh doanh ; phát triển công nghệ tái chế chất thải.

4.2.5.2. Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực địa phương phương có lợi thế

- Ngành nông, lâm nghiệp: Tập trung nghiên cứu, ứng dụng để phát triển bền vững rừng; chăn nuôi, tạo ra vùng sản xuất các loại vật nuôi mang hàng hóa đặc sản của tỉnh; nghiên cứu quy hoạch và nuôi các loại cá đặc sản trên lòng hồ để phát triển kinh tế và thu hút du lịch; phát triển cây công nghiệp, *Số hóa bởi Trung tâm Học liệu - ĐHTN*

cây dược liệu, nghiên cứu trồng và sản xuất một số sản phẩm từ cây dược liệu quý phục vụ chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe; phát triển cây ăn quả, đặc biệt là cây có múi; trồng một số loại rau, quả mà tỉnh có lợi thế như rau su su, quả lặc nài, hạt dổi cung cấp cho thị trường Hà Nội; quản lý và sử dụng có hiệu quả đất nông nghiệp, nhất là đất lúa.

- Ngành công nghiệp-xây dựng: Nghiên cứu ứng dụng phát triển bền vững vật liệu xây dựng, nhất là xi măng, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, điện tử, viễn thông có lợi thế. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp để sản xuất sản phẩm sử dụng công nghệ cao.

- Lĩnh vực dịch vụ: Tập trung khai thác lợi thế ngành du lịch, trong đó chú ý phát triển du lịch sinh thái mà tỉnh có lợi thế, phát triển các sân golf, khai thác và phát triển khu du lịch lòng hồ, du lịch hang động, du lịch tâm linh, du lịch mang tính bản sắc dân tộc...

4.2.6. Đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, hỗ trợ khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp. Hỗ trợ thành lập và phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh. Coi đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu về hoạt động khoa học công nghệ trong giai đoạn 2016-2020. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình tiếp cận và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại, công nghệ sạch. Từng bước thúc đẩy các doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tăng cường xuất khẩu trong quá trình hội nhập quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp xác lập, bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ công nghệ, trình diễn mua bán công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hóa khoa học và công nghệ bằng mô hình gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp. Hỗ trợ một số doanh nghiệp hình thành các

đơn vị nghiên cứu và triển khai phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp thuộc một số lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

Nghiên cứu, xây dựng mô hình ươm tạo doanh nghiệp KHCN phù hợp với điều kiện của tỉnh. Một trong những mô hình cần được xem xét là thiết lập vườn ươm doanh nghiệp KHCN để hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ mới.

Tăng cường thực hiện việc tuyên truyền các cơ chế, chính sách về doanh nghiệp KHCN, sở hữu trí tuệ bằng nhiều hình thức và biện pháp, như thông qua các hội nghị tập huấn của các cơ quan quản lý nhà nước về KHCN, thông qua sách báo, các phương tiện truyền thông, kiểm tra giám sát chặt chẽ và xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, từ đó tạo niềm tin cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư vào hoạt động KHCN.

Nghiên cứu ban hành quy định về việc doanh nghiệp nhà nước lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ; coi đây là yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp nhà nước và là hoạt động được khuyến khích đối với các doanh nghiệp khác.

Hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm và hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ. Áp dụng chế tài xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch, mua bán các sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ.

Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ kỹ thuật khoa học và công nghệ, môi giới, chuyển giao, tư vấn, đánh giá và định giá công nghệ.

Xây dựng quy định và tiêu chí đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, chuyển nhượng, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ. Hoàn thiện các chính sách về hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm.

Xây dựng bộ chỉ số thống kê, đo lường kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, chuyên gia công nghệ, kết nối cung - cầu sản phẩm khoa học và công nghệ mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp, trao đổi, giao dịch thông tin về khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở khung pháp lý của trung ương, tỉnh cần có cơ chế chính sách và các giải pháp thúc đẩy cung và cầu công nghệ tại các thị trường trong tỉnh và khai thác thị trường ngoài tỉnh, nhất là thị trường Hà Nội.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Khoa học công nghệ để thu hút đầu tư, hợp tác liên doanh, liên kết tạo ra các loại sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao, tạo điều kiện để thị trường khoa học và công nghệ phát triển.

4.3. Một số đề xuất, kiến nghị

4.3.1. Đối với Trung ương

- Cần sớm ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ một cách kịp thời và đồng bộ. Đặc biệt là ban hành Nghị định hướng dẫn hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của địa phương.

- Nâng mức phân bổ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm cho tỉnh với tỷ lệ phù hợp theo lộ trình đến năm 2020 đạt mức 1,5% đến 2% tổng chi ngân sách địa phương.

- Hướng dẫn và giúp đỡ địa phương thúc đẩy chương trình hình thành Quỹ phát triển khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp, góp phần bổ sung thêm nguồn lực xã hội cho chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.

- Hỗ trợ địa phương tăng cường công tác đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ khoa học và công nghệ để thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng; quản lý công nghệ An toàn bức xạ và hạt nhân, Sở hữu trí tuệ; thanh tra khoa học công nghệ...trên địa bàn tỉnh.

4.3.2. Đối với tỉnh

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên phân bổ nguồn kinh phí cho Dự án nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Phân tích kiểm nghiệm và dịch vụ khoa học và công nghệ (Dự án thuộc Đề án 317 của Thủ tướng Chính phủ, đã có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh từ năm 2012) từ nguồn kinh phí đầu tư phát triển cho khoa học công nghệ năm 2015 để có thể triển khai giai đoạn 1 dự án từ năm 2015.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, xem xét cấp bổ sung đất nông nghiệp cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ để phục vụ cho việc xây dựng các mô hình công nghệ cao thuộc mục tiêu đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Tỉnh (diện tích đề xuất tối thiểu là 1ha).

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tăng mức đầu tư ngân sách cho hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 chiếm 1-1,5%, so với tổng chi ngân sách của tỉnh.

+ Cơ cấu phân bổ đầu tư: Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, xây dựng các hướng ưu tiên rõ ràng làm căn cứ để phân bổ, khắc phục sự dàn trải, cào bằng và phân bổ không đúng định hướng ưu tiên. Nên áp dụng phương thức phân bổ dựa vào kết quả.

+ Quy trình đầu tư:

. *Nâng cao chất lượng của việc xác định nhiệm vụ*: Việc xác định nhiệm vụ nên được thực hiện theo cách tiếp cận kết hợp từ trên xuống (tỉnh đặt hàng) và từ dưới lên (căn cứ vào đặt hàng của tỉnh các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ). Quy trình ra đầu bài đặt hàng của tỉnh phải được thực hiện một cách khoa học: phải tiến hành điều tra từ nhu cầu của thực tế (từ các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trang trại, hộ nông dân...); thực hiện đánh giá

năng lực hiện có của tỉnh; mời các chuyên gia giỏi, có uy tín và kinh nghiệm tổng hợp, phân tích kết quả điều tra, kết hợp với kết quả đánh giá năng lực thực tế đề xuất các nhiệm vụ.

. *Nâng cao chất lượng hoạt động của các Hội đồng xác định, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN*: nghiên cứu hình thành cơ sở dữ liệu về chuyên gia để lưu trữ thông tin về chuyên gia KH&CN, liên kết với các CSDL chuyên gia ở trong nước để cung cấp nguồn chuyên gia cho các Hội đồng.

. *Nâng cao chất lượng quá trình giám sát thực hiện*: Xây dựng hệ thống giám sát minh bạch và rõ ràng. Hệ thống này giúp các nhà quản lý và các cấp lãnh đạo nắm bắt thông tin một cách có hệ thống từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh kịp thời.

+ Cơ chế, chính sách: Nghiên cứu xây dựng và điều chỉnh một số cơ chế chính sách đặc thù phục vụ nhu cầu phát triển của tỉnh, ví dụ: chính sách thu hút cán bộ khoa học trẻ, có năng lực; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp chú trọng vào đổi mới công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh; khuyến khích sự liên kết hợp tác giữa khối nghiên cứu, doanh nghiệp và các hộ nông dân; điều chỉnh cơ chế về tài chính, cơ chế đánh giá, nghiệm thu đề tài...theo hướng đơn giản và gắn với hiệu quả.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với Bộ Khoa và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan xem xét các nội dung:

+ Sớm ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ một cách kịp thời và đồng bộ.

+ Nâng mức phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm cho tỉnh để địa phương có điều kiện bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh. (vốn hoạt động hiện tại được cấp từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học là 2 tỷ đồng. Do nguồn vốn còn nhỏ hẹp nên hoạt động của quỹ còn hạn chế, hàng năm chỉ hỗ trợ cho vay từ 2 đến 3 dự án với

quy mô nhỏ).

+ Hướng dẫn và giúp đỡ địa phương thúc đẩy chương trình hình thành Quỹ phát triển khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp, góp phần bổ sung thêm nguồn lực xã hội cho chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.

- Đề nghị các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các cấp:

+ Tăng cường tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc, rộng rãi các Nghị quyết của Đảng kể cả các Nghị quyết đến công nghệ cao như CNTT, chương trình hành động của Tỉnh ủy, kế hoạch của UBND tỉnh đến tận cơ sở. Định kỳ, có tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá và trên cơ sở đó đề ra những chương trình, kế hoạch cụ thể, sát thực và trọng tâm để không ngừng khẳng định, đề cao vai trò của KH-CN trong quá trình phát triển KT-XH.

+ Nghiên cứu - triển khai tiến hành xây dựng chương trình phù hợp với đặc điểm của địa phương mình, và bố trí nguồn nhân lực, tài lực cần thiết.

- Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính khi lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán chi đầu tư phát triển cho khoa học công nghệ, dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ căn cứ vào Mục c, Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ.

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng đề án phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2015-2020.

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các hội nghị giao ban hàng quý với Phòng Kinh tế- hạ tầng các huyện, Thành phố để tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong nghiên cứu, quản lý hoạt động khoa học, công nghệ giữa các huyện, Thành phố.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài đổi mới quản lý hoạt động KHCN tỉnh Hòa Bình, Luận văn đã hoàn thành các mục tiêu đề ra trong nghiên cứu, với những kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận về Khoa học, công nghệ trên cơ sở các khái niệm về Khoa học, Công nghệ, hoạt động KHCN, đổi mới quản lý hoạt động KHCN. Luận văn phân tích vai trò của đổi mới quản lý hoạt động KHCN, phân tích nội dung đổi mới quản lý hoạt động KHCN. Đề tài phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động KHCN.

Thứ hai, Đề tài lựa chọn một số phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu, các nhân tố tác động đến đổi mới hoạt động KHCN, Đề tài xây dựng những tiêu chí đánh giá mức độ đổi mới quản lý hoạt động KHCN. Những tiêu chí này xuyên suốt nội dung nghiên cứu của đề tài trong các chương tiếp theo của Luận văn.

Thứ ba, Trên cơ sở phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, quá trình xây dựng và trưởng thành của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình. Đề tài đã phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động Khoa học công nghệ tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn 2010-2014. Từ đó rút ra những ưu điểm đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Những hạn chế và bài học kinh nghiệm này là cơ sở để đề tài đề xuất các giải pháp trong chương 4.

Thứ tư, trên cơ sở những hạn chế, nguyên nhân, rút ra một số bài học kinh nghiệm trong đổi mới quản lý hoạt động KHCN đã phân tích tại chương 3. Trên cơ sở dự báo yêu cầu phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, luận văn đã xác định quan điểm, mục tiêu của hoạt động khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020 và đề xuất 6 giải pháp đổi mới quản lý hoạt động KHCN của tỉnh Hòa Bình trong thời gian tới, với những giải pháp là:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của KHCN.
- Đổi mới cơ chế quản lí, cơ chế hoạt động KHCN.
- Phát triển nguồn nhân lực KHCN.
- Đổi mới cơ chế đầu tư, tài chính cho hoạt động KHCN.
- Triển khai các định hướng một số nhiệm vụ KHCN chủ yếu.
- Phát triển doanh nghiệp, thị trường KHCN.

Thứ năm, đề tài đưa ra một số kiến nghị đối với Trung ương và đối với tỉnh để đổi mới quản lí hoạt động KHCN.

Mặc dù bản thân đã cố gắng hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu của đề tài, song không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót do tính phức tạp của vấn đề nghiên cứu. Hy vọng những đề tài nghiên cứu tiếp theo sẽ tiếp tục hoàn thiện để công tác quản lí hoạt động khoa học và công nghệ tại tỉnh Hòa Bình ngày càng được đổi mới và phát triển, đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành quốc sách, là động lực cho tăng trưởng và phát triển. Em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô giáo trường Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên đã giảng dạy, giúp đỡ em trong suốt thời gian học tập tại trường. Em xin bày tỏ lòng biết ơn tới Tiến Sĩ Nguyễn Ngọc Hồng Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật tỉnh Hòa Bình đã hướng dẫn em tận tình để hoàn thành luận văn này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo 20 năm tái lập tỉnh Hòa Bình (1991 – 2011)
2. Báo cáo tổng kết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 – 2013
3. Báo cáo tổng kết của các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010 – 2013
4. Chương trình hành động số 161-CTr/TU của Tỉnh ủy (khóa XIII), về thực hiện kết luận Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành TW Đảng (khóa IX) về phát triển khoa học và công nghệ.
5. Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 31/01/2013 của Tỉnh ủy Hòa Bình về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
6. Đề xuất một số giải pháp nâng cao tính ứng dụng cho các đề tài khoa học công nghệ của tỉnh Hòa Bình đến năm 2020 " Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Nguyễn Quyết Tiến".
7. Hệ thống các văn bản quản lý nhà nước về Khoa học và Công nghệ (tập 1 – tập 9, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật công nghệ
8. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 tỉnh Hòa Bình.
9. Luật Khoa học và Công nghệ 2013, Nhà xuất bản Thống kê - Hà Nội 2013
10. Một số vấn đề lý luận và nghiệp vụ công tác tư tưởng, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Hà Nội 1996
11. Niên giám thống kê của tỉnh Hòa Bình năm 2010 - Cục thống kê tỉnh Hoà Bình, 2011.
12. Niên giám thống kê của tỉnh Hòa Bình năm 2011 - Cục thống kê tỉnh Hoà Bình, 2012.
13. Niên giám thống kê của tỉnh Hòa Bình năm 2012 - Cục thống kê tỉnh

Hoà Bình, 2013.

14. Niên giám thống kê của Việt Nam năm 2011, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2012.
15. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
16. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ VIII – 2000, lần thứ XIV – 2005, lần thứ XV – 2010

PHỤ LỤC

Phụ lục 01

BIỂU TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Số vốn đã bố trí lũy kế đến 10/2014 (triệu đồng)	Khối lượng thực hiện đến 10/2014 (%)	Số vốn đã thanh toán lũy kế đến 10/2014 (triệu đồng)	Số vốn bị điều chuyển theo QĐ số 2981/QĐ-UBND ngày 17/12/2013	Ghi chú
			Số QĐ	Giá trị (triệu đồng)					
1	Cải tạo, xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng lưu mẫu và trang thiết bị kiểm định, đo lường, chất lượng cho Chi cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng	2011-2014	950/QĐ-UBND ngày 18/7/2012;	4.022	3.705	100%	3.705	295	Chưa thanh toán nợ đọng do thiếu vốn
2	Ứng dụng công nghệ xây dựng phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Hòa Bình	2011-2014	998/QĐ-UBND ngày 14/6/2011; 2310/QĐ-UBND ngày 02/10/2013	9.305	9.305	90%	8.584	786	Chưa hoàn thành do thiếu vốn
3	Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Hòa Bình, giai đoạn 2012-2015	2012-2015	1643/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	19.615	10.689	95%	9.931	-	Đang triển khai
4	Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Phân tích - Kiểm nghiệm và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Hòa Bình	2012-2015	1642/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	18.915	0	0%	0	0	Chưa triển khai do chưa được bố trí vốn

Phụ lục 02

Nhiệm vụ hoạt động KHCN

Lĩnh vực NC	Nhiệm vụ KH
<i>NN và phát triển nông thôn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh phù hợp với từng vùng sinh thái của địa phương, - Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp là thế mạnh của địa phương.
<i>Công nghiệp xây dựng</i>	<ul style="list-style-type: none"> - NC, đánh giá nguồn tài nguyên khoáng sản, trong đó nhấn mạnh về trữ lượng, chất lượng, sự phân bố của các mỏ đá vôi - NC Thực trạng khai thác, chế biến khoáng sản - NC một số loại hình khoáng sản để sản xuất hàng mỹ nghệ góp phần phát triển làng nghề ở tỉnh Hòa Bình. - Ứng dụng CN tiết kiệm năng lượng (như thiết bị đèn chiếu sáng, vấn đề chất đốt trong sinh hoạt của đồng bào dân tộc...)
<i>Lĩnh vực Y tế và Giáo dục</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung tới việc phát hiện những học sinh dân tộc có năng khiếu nhằm bồi dưỡng, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng - NC giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực là con em các dân tộc - NC các giải pháp nâng cao sức khỏe cộng đồng một cách bền vững. - XD mô hình du lịch sinh thái kết hợp với dưỡng sinh chữa bệnh bằng phương pháp cổ truyền với thuốc dân tộc. - NC giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với cơ sở hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn của tỉnh.
<i>Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đổi mới công tác vận động quần chúng phục vụ cho phát triển kinh tế, củng cố an ninh quốc phòng.
<i>Điều tra cơ bản, công nghệ thông tin và các đề tài khác</i>	<ul style="list-style-type: none"> - XD bản đồ số phòng chống bức xạ, Atlas điện tử phục vụ công tác quy hoạch phát triển KT - XH của tỉnh. - XD hệ thống tự động giám sát và cảnh báo thiên tai - Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới CN và tham gia thị trường công nghệ. - Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý các công trình thủy lợi - Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008

Phụ lục 03**Đầu tư vốn ngân sách giai đoạn 2006-2010 cho khoa học – công nghệ***Đơn vị: tỷ đồng*

Nguồn chi từ ngân sách	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Tăng B/q (%) 2006-2010
1/ Kinh phí sự nghiệp KHCN	7,88	8,55	8,30	9,38	10,79	8,17
2/ Kinh phí đầu tư phát triển KHCN công	7	7	7	9	7,9	3,06
Cộng:	14,88	15,55	15,30	18,38	18,69	5,86
3/ Tổng chi ngân sách địa phương	1.502,63	1.947,23	2.676,34	4.224,44	4.044,80	28,00
4/ Tỷ lệ (%) đầu tư KHCN/Tổng chi ngân sách	0,99	0,77	0,57	0,43	0,46	-

Nguồn: Niên giám thống kê 2008, 2010 – Cục thống kê Hòa Bình

Phụ lục 04

**BIỂU TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Số vốn đã bố trí lũy kế đến 10/2014 (triệu đồng)	Khối lượng thực hiện đến 10/2014 (%)	Số vốn đã thanh toán lũy kế đến 10/2014 (triệu đồng)	Số vốn bị điều chuyển theo QĐ số 2981/QĐ-UBND ngày 17/12/2013	Ghi chú
			Số QĐ	Giá trị (triệu đồng)					
1	Cải tạo, xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng lưu mẫu và trang thiết bị kiểm định, đo lường, chất lượng cho Chi cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng	2011-2014	950/QĐ-UBND ngày 18/7/2012;	4.022	3.705	100%	3.705	295	Chưa thanh toán nợ đọng do thiếu vốn
2	Ứng dụng công nghệ xây dựng phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Hòa Bình	2011-2014	998/QĐ-UBND ngày 14/6/2011; 2310/QĐ-UBND ngày 02/10/2013	9.305	9.305	90%	8.584	786	Chưa hoàn thành do thiếu vốn
3	Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ Hòa Bình, giai đoạn 2012-2015	2012-2015	1643/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	19.615	10.689	95%	9.931	-	Đang triển khai
4	Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Phân tích - Kiểm nghiệm và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Hòa Bình	2012-2015	1642/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	18.915	0	0%	0	0	Chưa triển khai do chưa được bố trí vốn